

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2016 **Tập đoàn Dầu khí Việt Nam**

Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016: cho kỳ hoạt động năm 2016 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam

1. Bảng cân đối kế toán: Mẫu số B 01a-DN ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính;
2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh: Mẫu số B 02a-DN ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính;
3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ: Mẫu số B 03a-DN ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính;
4. Bản thuyết minh báo cáo tài chính: Mẫu số B 09a-DN ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.
5. Ý kiến kiểm toán



Deloitte.

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 7
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	8 - 11
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	12 - 13
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	14 - 15
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	16 - 67

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "PVN") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của PVN và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc PVN đã điều hành hoạt động của Tập đoàn trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Thành viên

Ông Nguyễn Vũ Trường Sơn	Thành viên phụ trách Hội đồng Thành viên (bổ nhiệm ngày 09 tháng 3 năm 2017)
Ông Nguyễn Quốc Khánh	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 12 tháng 01 năm 2016) (miễn nhiệm ngày 09 tháng 3 năm 2017)
Ông Phạm Xuân Cảnh	Thành viên
Ông Phan Đình Đức	Thành viên
Ông Đinh Văn Sơn	Thành viên
Ông Phan Ngọc Trung	Thành viên
Ông Nguyễn Tiến Vinh	Thành viên (bổ nhiệm ngày 05 tháng 4 năm 2016)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Vũ Trường Sơn	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 04 tháng 3 năm 2016) Phó Tổng Giám đốc (thôi giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc từ ngày 04 tháng 3 năm 2016)
Ông Nguyễn Quốc Khánh	Tổng Giám đốc (thôi giữ chức vụ Tổng Giám đốc từ ngày 04 tháng 3 năm 2016)
Ông Nguyễn Hùng Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Minh Hồng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Mạnh Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Sinh Khang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Ninh Văn Quỳnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quốc Thập	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Chí Thanh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quỳnh Lâm	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 05 tháng 7 năm 2016)

1007
CỔ
MÁCH I
DE
VI
ĐỒNG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc PVN có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc PVN chịu trách nhiệm đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tập đoàn và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng PVN đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Vũ Trường Sơn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 7 năm 2017

A handwritten signature in black ink, appearing to be the name of the signatory.

Số: 200 /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc
Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "PVN") và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 25 tháng 7 năm 2017, từ trang 08 đến trang 67 bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc PVN chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

100 / T H U I T ' NA TP

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

1. Như trình bày tại các Thuyết minh số 1, số 9, số 14 và số 22 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc tái cơ cấu Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam - Vinashin (nay là Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy - SBIC), Tập đoàn đang tạm ghi nhận giá trị xây dựng cơ bản dở dang tại các dự án được bàn giao từ SBIC với số tiền là 695.348 triệu VND, đồng thời ghi nhận phải trả SBIC với số tiền tương ứng trên tài khoản phải trả khác. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tập đoàn chưa đối trừ hết số tiền đã thanh toán cho SBIC liên quan đến việc bàn giao các dự án trên là 720.297 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 720.297 triệu VND) và phản ánh trên khoản mục phải thu khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất - công ty được bàn giao từ SBIC, được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn với tổng tài sản và giá trị tài sản thuần tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 5.992.315 triệu VND và âm (1.158.396) triệu VND. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, chưa có quyết định chính thức của các cơ quan có thẩm quyền về giá trị tài sản, công nợ của các dự án/công ty nhận bàn giao từ SBIC và số tiền Tập đoàn phải thanh toán cho SBIC. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.
2. Như trình bày tại Thuyết minh số 1 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn bao gồm báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam (PVcomBank - Công ty con) với tổng tài sản là 114.032.903 triệu VND, nợ phải trả là 104.040.826 triệu VND, doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ là 5.763.867 triệu VND, tổng lợi nhuận kế toán trước thuế là 41.361 triệu VND. Báo cáo tài chính hợp nhất của PVcomBank được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác với báo cáo kiểm toán đề ngày 29 tháng 6 năm 2017 đưa ra ý kiến ngoại trừ. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến thông tin tài chính của PVcomBank được sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.
3. Như trình bày tại Thuyết minh số 1 và số 17 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, khoản đầu tư của Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên - Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (PVEP - Công ty con) vào Công ty Liên doanh Petromacareo (Venezuela) và khoản phí tham gia trả lần đầu và lần thứ hai để tổng tham gia đầu tư khai thác tại Lô Junin 2 (Venezuela) đang được ghi nhận theo giá gốc với tổng số tiền là 10.753.152 triệu VND trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn cho khoản đầu tư này với số tiền là 418.780 triệu VND đã được trích lập theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty Liên doanh Petromacareo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, PVEP chưa thu thập được báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty Liên doanh Petromacareo để đánh giá khả năng thu hồi và đang làm việc với các cơ quan có thẩm quyền để có phương án xử lý đối với khoản đầu tư nêu trên. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp về khả năng thu hồi của các khoản đầu tư này tại ngày 31 tháng 12 năm 2016. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.
4. Như trình bày tại Thuyết minh số 15 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, PVEP đang ghi nhận trên khoản mục "Chi phí trả trước dài hạn" các chi phí tìm kiếm, thăm dò và phát triển dầu khí chưa phân bổ của Lô 67 Peru đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 10.760.811 triệu VND. Theo thông báo của Nhà điều hành Lô 67 Peru ngày 01 tháng 6 năm 2016, Dự án Lô 67 Peru đã tạm dừng khai thác vì điều kiện bất khả kháng kể từ ngày 18 tháng 5 năm 2016. Đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tập đoàn và PVEP đang làm việc với các nhà thầu và các cơ quan có thẩm quyền để xác định phương án xử lý vấn đề nêu trên. Chúng tôi không thể thu thập được các bằng chứng thích hợp về khả năng thu hồi của các khoản chi phí trả trước dài hạn này tại ngày 31 tháng 12 năm 2016. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (Tiếp theo)

- Như trình bày tại Thuyết minh số 37 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Thanh tra Chính phủ đã kết luận về một số vi phạm trong quá trình đầu tư Nhà máy Nhiên liệu Sinh học Bio-Ethanol Dung Quất do Công ty Cổ phần Nhiên liệu sinh học Dầu khí Miền Trung (BSR-BF - Công ty con của Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn - Công ty con) làm chủ đầu tư và Dự án Nhà máy Sản xuất Xơ sợi Polyester Đình Vũ do Công ty Cổ phần Hoá dầu và Xơ sợi Dầu khí (PVTex - Công ty con) làm chủ đầu tư. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc BSR-BF và PVTex đang trong quá trình làm việc với các nhà thầu và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để giải quyết các kết luận và kiến nghị của Thanh tra Chính phủ. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về các điều chỉnh của các Công ty này liên quan đến kết luận của Thanh tra chính phủ và giá trị quyết toán Nhà máy Nhiên liệu Sinh học Bio-Ethanol Dung Quất và Nhà máy Sản xuất Xơ sợi Polyester Đình Vũ. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo có cần thiết phải điều chỉnh hay không.
- Như trình bày tại Thuyết minh số 1 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, tài sản ngắn hạn của Công ty Cổ phần Hoá dầu và Xơ sợi Dầu khí (PVTex - Công ty con) nhỏ hơn nợ phải trả ngắn hạn là 1.628.566 triệu VND; lỗ lũy kế là 3.442.126 triệu VND và đã vượt quá vốn góp của chủ sở hữu, tổng tài sản là 6.017.996 triệu VND và nợ phải trả là 7.200.928 triệu VND, trong đó số dư khoản vay dài hạn của PVTex tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam được Tập đoàn bảo lãnh với số dư gốc vay là 5.028.441 triệu VND. Số dư các khoản vay và nợ đã quá hạn, chưa được thanh toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 1.044.239 triệu VND. Ngoài ra, các khoản phải trả đang có tranh chấp với các nhà thầu và nhà cung cấp là 251.960 triệu VND. Đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Nhà máy Sản xuất Xơ sợi Polyester Đình Vũ vẫn đang tạm dừng hoạt động. Các yếu tố này dẫn tới nghi ngờ về khả năng tiếp tục hoạt động của PVTex. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về khả năng tiếp tục hoạt động của PVTex trong vòng ít nhất 12 tháng sắp tới. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được lập với giả định PVTex sẽ tiếp tục hoạt động liên tục có phù hợp hay không và có cần thiết phải điều chỉnh số liệu này hay không.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng của các vấn đề được nêu trong đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Các vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến các vấn đề sau:

- Như trình bày tại Thuyết minh số 4 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty Cổ phần Bất động sản Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC-Land - công ty con của Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam - PVC - Công ty con) được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn với tổng tài sản là 576.523 triệu VND, nợ phải trả là 519.145 triệu VND, tổng lỗ kế toán trước thuế năm 2016 là 4.580 triệu VND. Theo báo cáo tài chính của PVC-Land cung cấp, nợ phải trả ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 314.822 triệu VND, lỗ lũy kế của PVC-Land là 194.415 triệu VND và các vấn đề khác ảnh hưởng tới khả năng hoạt động liên tục của PVC-Land. PVC chưa đánh giá được khả năng thanh toán nợ đến hạn của PVC-Land cũng như giả định PVC-Land hoạt động liên tục có phù hợp hay không. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo chưa bao gồm những điều chỉnh có thể phát sinh liên quan đến sự kiện không chắc chắn này.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Các vấn đề cần nhấn mạnh (Tiếp theo)

2. Như trình bày tại Thuyết minh số 11 và số 12 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn (BSR - Công ty con) đã ghi tăng nguyên giá tài sản cố định và ghi giảm khoản mục hàng tồn kho tương ứng với giá trị đầu thô, sản phẩm trung gian, thành phẩm tồn cố định trong đường ống, thiết bị và bể chứa của BSR với số tiền là 1.007.069 triệu VND trong năm theo hướng dẫn về kế toán của các cơ quan có thẩm quyền. Nguyên giá tăng thêm được trích khấu hao từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 theo thời gian sử dụng hữu ích còn lại của tài sản cố định tương ứng. Việc điều chỉnh giá trị và hạch toán hàng tồn kho như trên đã được Hội đồng Thành viên của BSR phê duyệt. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, BSR đang thực hiện các thủ tục cần thiết để trình cấp có thẩm quyền liên quan đến việc điều chỉnh như trên.
3. Như trình bày tại Thuyết minh số 12 và số 14 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm 2015, tổ máy số 1 và 2 của Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 và Sân phân phối 500 kV Trung tâm Điện lực Vũng Áng đã được nghiệm thu hoàn thành để đưa vào vận hành thương mại và đã được tạm ghi tăng nguyên giá tài sản cố định. Ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tập đoàn đang thực hiện các thủ tục để chuyển giao Sân phân phối 500kV cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) theo văn bản hướng dẫn của các cơ quan có thẩm quyền. Đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 chưa được phê duyệt quyết toán, đồng thời, các thủ tục để bàn giao Sân phân phối 500 kV Trung tâm Điện lực Vũng Áng chưa hoàn thành. Theo đó, giá trị bàn giao của các tài sản và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên có thể thay đổi khi dự án được quyết toán và bàn giao chính thức.
4. Như trình bày tại Thuyết minh số 16 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Tập đoàn và PVEP đã đánh giá các chi phí tìm kiếm, thăm dò dầu khí không hiệu quả trong năm 2014 với số tiền là 5.633.497 triệu VND và đã gửi Công văn xin ý kiến chỉ đạo phê duyệt tới Thủ tướng Chính phủ, Bộ Công thương và Bộ Tài chính. Đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tập đoàn vẫn đang tiếp tục làm việc với các cơ quan có thẩm quyền để có phê duyệt chính thức về phương án phân bổ chi phí tìm kiếm thăm dò dầu khí của các dự án không hiệu quả trên.
5. Như trình bày tại Thuyết minh số 21 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, PVEP đang trình Hội đồng Thành viên PVN phê duyệt Báo cáo kết thúc dự án thăm dò khai thác dầu khí Lô SK 305 - Malaysia trong đó bao gồm khoản chi phí phải trả liên quan đến các nghĩa vụ/trách nhiệm mà PVEP phải thực hiện khi dừng tham gia Hợp đồng thăm dò khai thác dầu khí Lô SK 305 - Malaysia với tổng số tiền là 936.491 triệu VND đang được phản ánh tại khoản mục "Chi phí phải trả ngắn hạn" của Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016. Chi phí thực hiện các nghĩa vụ/trách nhiệm còn tồn đọng này sẽ được xác định chính thức khi có quyết định của Hội đồng Thành viên PVN và các cấp có thẩm quyền.
6. Như trình bày tại Thuyết minh số 35 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, chi phí thăm dò tìm kiếm dầu khí tại dự án 39 Peru lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 1.542.672 triệu VND. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, PVEP chưa nhận được phê duyệt chính thức từ các cơ quan có thẩm quyền về báo cáo đầu tư điều chỉnh đối với dự án nêu trên. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo chưa bao gồm những điều chỉnh có thể phát sinh liên quan đến sự kiện không chắc chắn này.
7. Như trình bày tại Thuyết minh số 36 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, PVC có các khoản bảo lãnh cho các công ty khác vay vốn tại các tổ chức tín dụng đã bị quá hạn. PVC đã trích lập dự phòng toàn bộ nghĩa vụ nợ phải trả liên quan đến các khoản bảo lãnh này trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 và 2015. Trong năm 2016, PVC đã đánh giá phương án trả nợ và tài sản thế chấp để bảo đảm cho khoản vay và các thỏa thuận với bên cho vay của Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Sài Gòn ("PVC-SG") và quyết định hoàn nhập dự phòng nghĩa vụ nợ phải trả liên quan đến nghĩa vụ bảo lãnh nêu trên với số tiền là 99.912 triệu VND.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Các vấn đề cần nhấn mạnh (Tiếp theo)

8. Như trình bày tại Thuyết minh số 36 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, ngày 26 tháng 5 năm 2017, Hội đồng Thành viên PVEP đã phê duyệt phân bổ chi phí các dự án không thành công, không hiệu quả năm 2016. Theo đó, PVEP đã ghi nhận vào giá vốn hoạt động dầu khí trong năm với giá trị là 8.694.961 triệu VND bao gồm giá trị chi phí trả trước dài hạn chưa phân bổ của các dự án 01/97 & 02/97 Lam Sơn và dự án 09.3 VRJ và 90% chi phí thăm dò, chi phí phát triển của các dự án M2 Myanmar, 10&11.1 Côn Sơn và Marline XI Congo. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, PVEP đang tiếp tục làm việc với các nhà thầu dầu khí, các cơ quan chức năng và các đối tác về giá trị bồi thường hợp đồng, chi phí quyết toán dự án... liên quan tới việc dừng các dự án nêu trên và sẽ thực hiện điều chỉnh khi có số liệu chính thức được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.
9. Như trình bày tại Thuyết minh số 4, số 20, số 22, số 25, số 28 và số 29 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Tập đoàn đang thực hiện phân phối lợi nhuận và ghi nhận những khoản mục có tính chất đặc thù bao gồm doanh thu, chi phí, lãi đầu, khí nước chủ nhà được chia từ các hợp đồng đầu khí và Quỹ tìm kiếm, thăm dò dầu khí theo cơ chế tại Nghị định số 06/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 01 năm 2015 về quy chế quản lý tài chính của Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam trong khi chờ văn bản mới thay thế Nghị định này. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo chưa bao gồm những điều chỉnh có thể phát sinh liên quan đến vấn đề này.

Ý-kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề này.



Phạm Hoài Nam
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0042-2013-001-1

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 25 tháng 7 năm 2017
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Trần Huy Công
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0891-2013-001-1

DTP
C
TRÁC
D
/ 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: Triệu VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	
			Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		308.008.105	291.995.202
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	S	77.730.205	102.085.718
1. Tiền	111		21.766.969	25.742.496
2. Các khoản tương đương tiền	112		55.963.236	76.343.222
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		97.606.632	73.759.800
1. Chứng khoán kinh doanh	121	6	3.607.547	4.957.309
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	6	(223.384)	(316.010)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	94.222.519	69.118.581
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		99.861.616	84.530.576
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	42.140.297	33.447.992
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		11.564.455	13.169.626
3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		361.448	367.920
4. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	21.877.395	14.068.238
5. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	29.081.146	28.614.171
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(5.183.532)	(5.168.874)
7. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		20.407	31.503
IV. Hàng tồn kho	140	11	20.607.444	21.144.349
1. Hàng tồn kho	141		21.105.402	22.494.457
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(497.956)	(1.350.108)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		12.202.158	10.474.679
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		977.785	1.140.902
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.731.500	2.708.070
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	20	595.464	625.902
4. Tài sản ngắn hạn khác	155	18	7.897.409	5.999.805

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: Triệu VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		462.081.688	467.262.733
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		43.295.205	36.484.537
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		305.055	468.499
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		133.190	101.340
3. Phải thu về cho vay dài hạn	215	8	34.292.871	28.068.600
4. Phải thu dài hạn khác	216	9	8.599.430	8.172.771
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(35.341)	(326.673)
II. Tài sản cố định	220		150.931.286	155.873.401
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	146.340.500	151.084.054
- Nguyên giá	222		249.115.903	239.395.797
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(102.775.403)	(88.311.743)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		99.883	191.859
- Nguyên giá	225		158.547	354.866
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(58.664)	(163.007)
3. Tài sản cố định vô hình	227	13	4.490.903	4.597.488
- Nguyên giá	228		5.881.745	5.767.904
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.390.842)	(1.170.416)
III. Bất động sản đầu tư	230		2.615.308	2.253.099
- Nguyên giá	231		2.842.520	2.410.720
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(227.212)	(157.621)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		47.973.931	41.268.462
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		71.693	1.351.989
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	47.902.238	39.916.473
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		44.541.080	42.137.117
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	6	15.355.472	17.354.579
2. Góp vốn liên doanh	252	6	20.196.449	18.083.062
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6	2.579.792	2.563.351
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.153.200)	(893.706)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	6	7.562.567	5.029.831
VI. Tài sản dài hạn khác	260		172.724.878	189.246.117
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	109.560.195	120.158.389
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	34	276.285	234.859
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		989.082	573.059
4. Chi phí tìm kiếm, thăm dò dầu khí		16	37.308.168	43.770.838
5. Chi phí phát triển mỏ		17	10.980.050	12.271.695
6. Tài sản dài hạn khác	268	18	12.669.046	11.078.619
7. Lợi thế thương mại	269		942.052	1.158.658
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		770.089.793	759.257.935

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: Triệu VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		338.586.822	319.304.352
I. Nợ ngắn hạn	310		175.273.690	156.221.180
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	19	20.858.703	22.890.355
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		4.237.375	2.980.472
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	20	11.167.839	9.496.603
4. Phải trả người lao động	314		2.172.144	2.522.773
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	21	16.264.697	16.222.547
6. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		219.847	204.466
7. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		71.296	77.143
8. Phải trả ngắn hạn khác	319	22	13.991.872	11.994.848
9. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	23	95.178.601	81.025.670
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	24	9.638.547	7.113.605
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.414.386	1.367.542
12. Quỹ bình ổn giá xăng dầu	323		53.328	325.156
II. Nợ dài hạn	330		163.313.132	163.083.172
1. Phải trả người bán dài hạn	331	19	951	1.307
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		35.068	293.117
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	21	488.466	1.158.758
4. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		1.442.554	3.043.920
5. Phải trả dài hạn khác	337	22	43.848.018	33.692.432
6. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	23	94.688.804	102.715.861
7. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	34	15.681.679	15.798.159
8. Dự phòng phải trả dài hạn	342	24	3.183.843	3.147.189
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		3.943.749	3.232.429

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: Triệu VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		431.502.971	439.953.583
I. Vốn chủ sở hữu	410	25	431.018.463	439.424.947
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		281.500.000	281.500.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		12.014.866	11.788.507
3. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		113	113
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		(4.805.952)	(3.686.011)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		67.681.828	55.194.191
6. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		2.584.069	2.276.685
7. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		23.800.447	21.676.318
8. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		9.265.269	29.752.352
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		3.631.370	17.020.901
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		5.633.899	12.731.451
9. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		607.117	607.117
10. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		38.370.706	40.315.675
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		484.508	528.636
1. Nguồn kinh phí	431		141.725	136.539
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		342.783	392.097
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		770.089.793	759.257.935



Nguyễn Vũ Trường Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 7 năm 2017

Lê Đình Mậu
Kế toán trưởng
Trưởng ban Kế toán và
Kiểm toán

Nguyễn Thế Anh
Người lập biểu

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: Triệu VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	27	234.780.965	293.439.840
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	27	3.783.362	4.931.804
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	27	230.997.603	283.508.036
4. Giá vốn hàng bán	11	27	197.761.481	231.713.993
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20	27	33.236.122	56.794.043
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	17.298.307	18.729.687
7. Chi phí tài chính	22	29	11.079.456	16.890.907
8. Phần lãi thuần trong công ty liên doanh, liên kết	24		2.264.586	2.424.725
9. Chi phí bán hàng	25	30	5.506.433	5.588.154
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	9.738.954	12.846.862
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26))	30		26.474.172	42.622.532
12. Thu nhập khác	31	31	1.106.835	1.274.479
13. Chi phí khác	32	32	1.063.741	1.004.805
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		43.094	269.674
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		26.517.266	42.892.206
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	33	10.314.126	13.938.042
17. (Thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	34	(423.151)	(1.740.900)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		16.626.291	30.695.064
<i>Phân phối cho:</i>				
Công ty mẹ Tập đoàn	61		14.022.838	26.564.772
Cổ đông không kiểm soát	62		2.603.453	4.130.292

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016



Nguyễn Vũ Trường Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 7 năm 2017

Lê Đình Mậu
Kế toán trưởng
Trưởng ban Kế toán và
Kiểm toán

Nguyễn Thế Anh
Người lập biểu

(NH)

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: Triệu VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	26.517.266	42.892.206
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	15.164.439	15.464.340
- Phân bổ chi phí thăm dò và phát triển dầu khí		15.506.776	13.981.288
- Các khoản dự phòng	03	1.609.776	(3.682.569)
- (Lãi) thanh lý tài sản cố định		(46.508)	(71.570)
- Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	339.755	1.827.934
- (Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(10.535.800)	(9.948.228)
- Chi phí lãi vay	06	5.156.249	4.916.084
- Ghi giảm chi phí thăm dò theo phê duyệt quyết toán		8.694.961	1.065.522
- (Lãi) tiền đầu		(2.813.092)	(4.558.337)
- Các khoản điều chỉnh khác	07	972.473	1.064.778
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	60.566.295	62.951.448
Thay đổi các khoản phải thu	09	(16.519.293)	11.557.269
Thay đổi hàng tồn kho	10	1.246.259	5.421.383
Thay đổi các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	12.784.804	1.532.793
Thay đổi chi phí trả trước	12	1.514.541	(775.354)
Thay đổi chứng khoán kinh doanh	13	1.349.762	(2.954.094)
Tiền lãi vay đã trả	14	(2.469.138)	(4.431.264)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(13.611.590)	(15.754.541)
Tiền thu từ cổ phần hóa các đơn vị		-	1.581.684
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	44.861.640	59.129.324
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(22.125.607)	(28.478.625)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	185.491	225.872
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(44.444.038)	(37.517.554)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	18.142.898	18.771.630
5. Thay đổi các khoản đầu tư		(10.876.623)	(9.000.995)
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	7.891.649	9.801.418
7. Đầu tư thăm dò và phát triển dầu khí		(6.842.200)	(28.012.807)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(58.068.430)	(74.211.061)

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: Triệu VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền lãi đầu, khí nước chủ nhà, tiền đọc tài liệu để lại		2.453.072	3.871.101
2. Ngân sách Nhà nước cấp vốn	31	8.226	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	70.337.664	93.306.714
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(68.194.788)	(110.256.934)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(64.253)	(69.245)
6. Lợi nhuận nộp về Ngân sách Nhà nước	36	(15.688.644)	(9.000.325)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(11.148.723)	(22.148.689)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(24.355.513)	(37.230.426)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	102.085.718	139.316.144
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	77.730.205	102.085.718



Nguyễn Vũ Trường Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 7 năm 2017

Lê Đình Mậu
Kế toán trưởng
Trưởng ban Kế toán và
Kiểm toán

Nguyễn Thế Anh
Người lập biểu

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") được hình thành trên cơ sở tổ chức lại Tổng Công ty Dầu khí Việt Nam và các đơn vị thành viên theo Quyết định số 198/2006/QĐ-TTg ngày 29 tháng 8 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ.

Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "PVN") là công ty Nhà nước, có tư cách pháp nhân, được thành lập theo Quyết định số 199/2006/QĐ-TTg ngày 29 tháng 8 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ.

Ngày 18 tháng 6 năm 2010, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 924/QĐ-TTg chuyển đổi Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam thành Công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu từ ngày 01 tháng 7 năm 2010.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của Tập đoàn bao gồm:

- Nghiên cứu, tìm kiếm, thăm dò, khai thác, vận chuyển, chế biến, tàng trữ dầu khí, khí hòa tan, làm dịch vụ về dầu khí ở trong và ngoài nước;
- Kinh doanh dịch vụ khai thác dầu thô, khí, các sản phẩm dầu, khí và các sản phẩm có nguồn gốc từ dầu khí ở trong và ngoài nước;
- Xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị dầu khí, sản phẩm dầu khí, hóa dầu;
- Kinh doanh phân phối các sản phẩm dầu, khí, các nguyên liệu hóa phẩm dầu, khí;
- Khảo sát, thiết kế, xây dựng, khai thác, sửa chữa các công trình, phương tiện phục vụ dầu khí, dân dụng;
- Tư vấn đầu tư xây dựng, thiết kế các công trình, phương tiện phục vụ dầu khí, dân dụng; sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Đầu tư, sản xuất, chế biến, kinh doanh nhiên liệu sinh học;
- Đầu tư, sản xuất kinh doanh điện và phân bón;
- Đầu tư khai thác than và các loại khoáng sản tại nước ngoài, ký kết hợp đồng nhập khẩu, cung ứng than; hợp tác khai thác và kinh doanh than trong nước, vận chuyển và tàng trữ than;
- Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm lọc hóa dầu, tư vấn chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực sản xuất và chế biến các sản phẩm lọc hóa dầu;
- Đầu tư sản xuất và kinh doanh năng lượng tái tạo.

Các ngành, nghề, hoạt động có liên quan đến ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính bao gồm:

- Hoạt động tài chính, chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm;
- Đào tạo, cung ứng nhân lực dầu khí, xuất khẩu lao động;
- Đầu tư kinh doanh bất động sản;
- Kinh doanh khách sạn, du lịch, văn phòng giao dịch;
- Triển khai, phát triển các dự án năng lượng sạch, "cơ chế phát triển sạch (CDM)";
- Đầu tư, khai thác phát triển cảng, kinh doanh vận tải biển, vận tải đường thủy, đường không và đường bộ, đại lý tàu biển.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tập đoàn được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Các đơn vị trực thuộc Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam:

- Trung tâm ứng phó sự cố tràn dầu khu vực Miền Nam;
- Trường Cao đẳng nghề Dầu khí;
- Trường Đại học Dầu khí Việt Nam;
- Viện Dầu khí Việt Nam;
- Ban quản lý dự án Khí - Điện - Đạm Cà Mau;
- Ban quản lý dự án Nhà máy Lọc dầu Dung Quất;
- Ban quản lý dự án Công trình Liên hợp Lọc hóa dầu Nghi Sơn;
- Ban quản lý dự án Xây dựng Trường Đại học Dầu khí;
- Ban quản lý dự án Điện lực Dầu khí Long Phú 1;
- Ban quản lý dự án Điện lực Dầu khí Sông Hậu 1;
- Ban quản lý dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch;
- Ban quản lý dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2;
- Chi nhánh Tập đoàn Dầu khí Việt Nam - Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông;
- Chi nhánh Tập đoàn Dầu khí Việt Nam - Công ty Điều hành Dầu khí Phú Quốc;
- Chi nhánh Tập đoàn Dầu khí Việt Nam - Công ty Điều hành Đường ống Tây Nam.

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

Công ty	Địa điểm	Tỷ lệ cổ phần	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty TNHH Nhà nước MTV - Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	Việt Nam	100,00%	100,00%	Tìm kiếm, thăm dò và khai thác dầu khí
Công ty TNHH MTV Lọc Hóa Dầu Bình Sơn	Việt Nam	100,00%	100,00%	Lọc hóa dầu
Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	Việt Nam	100,00%	100,00%	Sản xuất, kinh doanh điện
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH MTV	Việt Nam	100,00%	100,00%	Kinh doanh và chế biến xăng dầu
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	(i) Việt Nam	100,00%	100,00%	Đóng tàu
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	Việt Nam	95,76%	95,79%	Chế biến, kinh doanh và vận chuyển khí
Công ty Cổ phần Hoá dầu và Xơ sợi Dầu khí	(ii) Việt Nam	89,49%	99,99%	Hóa dầu và xơ sợi
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	Việt Nam	80,83%	85,69%	Sản xuất và kinh doanh phân đạm
Tổng Công ty Phân bón và Hoá chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	Việt Nam	59,58%	59,59%	Sản xuất và kinh doanh phân đạm
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	Việt Nam	55,07%	58,83%	Vận tải
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Việt Nam	54,47%	54,47%	Xây dựng
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	Việt Nam	53,16%	54,81%	Dịch vụ kỹ thuật, xây dựng
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam	(iii) Việt Nam	52,00%	52,04%	Ngân hàng
Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí	Việt Nam	50,58%	50,79%	Dịch vụ khoan
Tổng Công ty Bảo dưỡng Sửa chữa Công trình Dầu khí - Công ty Cổ phần (Trước đây là "Tổng Công ty Công nghệ Năng lượng Dầu khí Việt Nam - Công ty Cổ phần")	(iv) Việt Nam	41,45%	42,20%	Giám định thương mại, giám định hàng hóa, sửa chữa, bảo dưỡng nhà máy
Công ty Cổ phần PVI	(iv) Việt Nam	37,88%	42,69%	Bảo hiểm và đầu tư tài chính
Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí - Công ty Cổ phần	(iv) Việt Nam	36,00%	36,00%	Cung cấp hóa chất, hóa phẩm và dịch vụ dung dịch khoan

Theo Hợp đồng mua bán cổ phần ký ngày 27 tháng 02 năm 2015 giữa Unocal International Corporation, Chevron Foreign Investment Inc và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Tập đoàn đã mua lại toàn bộ cổ phần của các công ty này tại 03 công ty bao gồm Chevron Southwest Vietnam Pipeline Co. Ltd, Chevron Vietnam (Block B) Ltd., và Chevron Vietnam (Block S2) Ltd. Đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, Tập đoàn đang làm thủ tục giải thể 3 công ty này. Toàn bộ tài sản và nghĩa vụ của các công ty này sẽ được chuyển giao lại cho Tập đoàn tại ngày hoàn thành các thủ tục giải thể.

- (i) Trên cơ sở Quyết định số 926/2010/QĐ-TTg ngày 18 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc tái cơ cấu Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam - Vinashin (nay là Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy - SBIC), Tập đoàn đã hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất - công ty được bàn giao từ SBIC. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, tổng tài sản và giá trị tài sản thuần của công ty này là 5.992.315 triệu VND và âm (1.158.396) triệu VND (tại ngày nhận bàn giao 01 tháng 7 năm 2010 là 6.996.605 triệu VND và âm (1.044.543) triệu VND).

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, chưa có ý kiến chính thức bằng văn bản của các cơ quan có thẩm quyền về giá trị tài sản và nợ phải trả của Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất và số tiền Tập đoàn phải thanh toán cho SBIC. Giá trị này có thể thay đổi khi có quyết định phê duyệt chính thức từ cơ quan có thẩm quyền về giá trị của công ty nhận bàn giao.

- (ii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty Cổ phần Hoá dầu và Xơ sợi Dầu khí (PVTex) có tài sản ngắn hạn nhỏ hơn nợ phải trả ngắn hạn là 1.628.566 triệu VND; lỗ lũy kế là 3.442.126 triệu VND và đã vượt quá vốn góp của chủ sở hữu, tổng tài sản là 6.017.996 triệu VND và nợ phải trả là 7.200.928 triệu VND, trong đó số dư khoản vay dài hạn của PVTex tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam được Tập đoàn bảo lãnh với số dư gốc vay là 5.028.441 triệu VND. Số dư các khoản vay và nợ đã quá hạn, chưa được thanh toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 1.044.239 triệu VND. Ngoài ra, các khoản phải trả đang có tranh chấp với các nhà thầu và nhà cung cấp là 251.960 triệu VND. Đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Nhà máy Sản xuất Xơ sợi Polyester Đình Vũ vẫn đang tạm dừng hoạt động. Các yếu tố này dẫn tới nghi ngờ về khả năng tiếp tục hoạt động của PVTex. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không bao gồm những điều chỉnh có thể có liên quan tới vấn đề không chắc chắn này.

- (iii) Báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam (PVcomBank) với tổng tài sản là 114.082.903 triệu VND, nợ phải trả là 104.040.826 triệu VND, doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ là 5.763.867 triệu VND, tổng lợi nhuận kế toán trước thuế là 41.361 triệu VND đã được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016. Báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất của PVcomBank đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập với báo cáo kiểm toán đề ngày 29 tháng 6 năm 2017 đưa ra ý kiến ngoại trừ.

- (iv) Tập đoàn chỉ nắm giữ dưới 50% tỷ lệ biểu quyết tại Công ty Cổ phần PVI (PVI), Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí - Công ty Cổ phần (DMC) và Tổng Công ty Bảo dưỡng Sửa chữa Công trình Dầu khí - Công ty Cổ phần (PVMR) (trước đây là "Tổng Công ty Công nghệ Năng lượng Dầu khí Việt Nam - Công ty Cổ phần (EIC)"). Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn đánh giá Tập đoàn có quyền kiểm soát các chính sách tài chính, hoạt động của doanh nghiệp cũng như có quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm đối với hầu hết các thành viên chủ chốt của Ban Tổng Giám đốc của các công ty này. Như vậy, Tập đoàn có quyền kiểm soát lâu dài đối với PVI, DMC và PVMR, do đó, các báo cáo tài chính hợp nhất của các công ty con này được hợp nhất toàn bộ vào báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

Công ty	Địa điểm	Tỷ lệ cổ phần	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Thương mại và Truyền thông Liên minh Dầu khí	Việt Nam	52,96%	35,05%	Truyền thông
Công ty Cổ phần Điều Phú Yên	Việt Nam	47,79%	47,79%	Sản xuất, chế biến nông sản xuất khẩu
Công ty Cổ phần Vật tư xăng dầu	Việt Nam	44,87%	44,94%	Xăng dầu
Công ty Cổ phần Năng lượng Sông Hồng	Việt Nam	44,07%	44,07%	Khai thác các dự án thủy điện
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Quảng Trị	Việt Nam	41,66%	41,66%	Thương mại
Công ty Cổ phần Phát triển Đông Dương xanh	Việt Nam	41,14%	33,24%	Dịch vụ khai khoáng, viễn thông
Công ty Cổ phần Hóa dầu và Nhiên liệu Sinh học Dầu khí	Việt Nam	39,76%	39,76%	Sản xuất, kinh doanh nhiên liệu sinh học
Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An	(vi) Việt Nam	38,89%	38,89%	Dịch vụ cảng biển
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam	Việt Nam	35,00%	35,00%	Dịch vụ tài chính, ủy thác, quản lý vốn
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gas Đô thị	Việt Nam	34,00%	35,51%	Phân phối khí
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến	Việt Nam	33,00%	35,11%	Thủy điện
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Mê Kông	Việt Nam	32,86%	34,96%	Vận tải
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Vàng	Việt Nam	31,91%	31,91%	Thủy điện
Công ty Cổ phần kho vận Petec	Việt Nam	31,27%	39,21%	Vận chuyển và lưu kho tài liệu
Công ty TNHH Tân Cảng - Petro Cam Ranh	Việt Nam	30,12%	25,00%	Dịch vụ căn cứ cảng
Công ty Cổ phần Petec Bình Định	Việt Nam	29,99%	31,54%	Thương mại
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Petechim	Việt Nam	29,00%	29,00%	Thương mại
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty Cổ phần	(vi) Việt Nam	29,00%	29,00%	Thiết kế & Dịch vụ tư vấn
Công ty Cổ phần Trang trí Nội thất Dầu khí	Việt Nam	27,23%	50,00%	Thiết kế
Công ty Cổ phần Xây lắp dầu khí Miền Trung	Việt Nam	26,29%	48,27%	Xây lắp, bất động sản
Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn Phú Yên	Việt Nam	26,18%	39,00%	Kinh doanh xăng dầu
Công ty Cổ phần Bao bì Dạm Phú Mỹ	Việt Nam	25,82%	43,34%	Sản xuất bao bì
Công ty TNHH Lọc hóa dầu Nghi Sơn	(v) Việt Nam	25,10%	25,10%	Lọc hóa dầu
Công ty TNHH Fairfield Việt Nam	Việt Nam	25,00%	25,00%	Xử lý địa chấn
Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau	Việt Nam	24,53%	24,80%	Thương mại
Công ty Cổ phần Thương mại Tổng hợp Thuận An	Việt Nam	24,29%	24,29%	Thương mại
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	(vi) Việt Nam	24,22%	24,22%	Thương mại, dịch vụ
Công ty Cổ phần Thiết kế Quốc tế Heerim - PVC	Việt Nam	23,97%	44,00%	Thiết kế
Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Phương	Việt Nam	23,24%	26,00%	Dịch vụ
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	Việt Nam	21,79%	40,00%	Thi công cơ giới
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Ninh Bình	Việt Nam	20,26%	20,26%	Thương mại, vận tải, kho bãi
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	Việt Nam	19,61%	36,00%	Xây lắp, bất động sản
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	Việt Nam	19,52%	35,83%	Xây lắp, bất động sản
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Miền Bắc	Việt Nam	17,84%	34,58%	Cung cấp máy, thiết bị
Công ty Cổ phần Công nghiệp Khoáng chất DMC	Việt Nam	15,59%	30,00%	Khai thác, chế biến khoáng sản
Công ty Cổ phần Chế tạo giàn khoan Dầu khí	Việt Nam	15,29%	28,75%	Chế tạo và sửa chữa giàn khoan
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Sông Đà	Việt Nam	14,70%	26,99%	Xây lắp
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	Việt Nam	13,47%	24,72%	Xây lắp, bất động sản
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Nghệ An	Việt Nam	13,56%	24,90%	Xây lắp, bất động sản
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Dầu khí Cửu Long	Việt Nam	12,43%	22,63%	Dịch vụ vận tải
Công ty Cổ phần Đầu tư Bê tông Công nghệ cao	Việt Nam	11,92%	27,08%	Kinh doanh bê tông
Công ty Cổ phần Công nghệ Điện năng PV EIC - TAGI	Việt Nam	11,89%	100,00%	Giải pháp công nghệ
Công ty Cổ phần Điện và Tự động hóa Dầu khí Việt Nam	Việt Nam	11,89%	29,00%	Công nghệ, tự động hóa
Công ty Cổ phần Cảng Tổng hợp Thị Vải	Việt Nam	11,41%	36,00%	Dịch vụ căn cứ cảng
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Năng lượng Hàng hải EIC	Việt Nam	11,08%	60,00%	Thương mại
Công ty Cổ phần CNTT, Viễn thông và Tự động hóa dầu khí	Việt Nam	11,13%	20,40%	Công nghệ thông tin, viễn thông

- (v) Công ty TNHH Lọc hóa dầu Nghi Sơn ("Nghi Sơn") là liên doanh giữa PVN và Idemitsu International (Asia) Pte. Ltd., Kuwait Petroleum Europe B.V. và Mitsui Chemicals, Inc. Nghi Sơn đang trong quá trình đầu tư xây dựng, dự kiến đi vào vận hành thương mại từ Quý IV năm 2017. Theo Giấy chứng nhận đầu tư và các bản sửa đổi của Giấy chứng nhận đầu tư, vốn điều lệ của Nghi Sơn là 2.400 triệu USD. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, vốn điều lệ của Nghi Sơn đã được các chủ sở hữu góp với tổng số tiền là 2.365 triệu USD; trong đó, Tập đoàn góp 594 triệu USD, tương đương với 12.668.173 triệu VND.
- (vi) Trong năm, Ban Tổng Giám đốc PVN đánh giá PVN không còn nắm quyền kiểm soát các chính sách tài chính, hoạt động của doanh nghiệp cũng như quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm đối với hầu hết các thành viên chủ chốt của Ban Giám đốc của Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí, Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty Cổ phần và Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An. Theo đó, khoản đầu tư vào các công ty này được phân loại lại là khoản đầu tư vào công ty liên kết và được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Tập đoàn theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Thông tin chi tiết về các khoản góp vốn liên doanh của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

Công ty	Địa điểm	Tỷ lệ	
		vốn góp	Hoạt động chính
Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro	(vii) Việt Nam	51,00%	Khai thác dầu thô và khí
Công ty Liên doanh Rusvietpetro	(viii) Nga	49,00%	Khai thác dầu thô và khí
Công ty TNHH Gazpromviet	(ix) Nga	49,00%	Khai thác dầu thô và khí
Công ty Liên doanh Petromacareo	(x) Venezuela	40,00%	Khai thác dầu thô và khí
Công ty TNHH Vietnam Offshore Floating Terminal (Ruby)	Malaysia	31,90%	Dịch vụ tàu thuyền
Công ty TNHH Nhiên Liệu Sinh Học Phương Đông	Việt Nam	31,12%	Sản xuất, kinh doanh nhiên liệu sinh học
Công ty TNHH Kho ngầm Xăng dầu Dầu khí Việt Nam	Việt Nam	25,30%	Đầu tư, xây dựng kho ngầm
Công ty Liên doanh PTSC AP	Singapore	27,11%	Dịch vụ
Công ty Liên doanh PTSC SEA	Singapore	27,11%	Kinh doanh tàu FSO
Công ty TNHH Malaysia VietNam Offshore Terminal	Malaysia	26,05%	Dịch vụ tàu thuyền
Công ty TNHH Căn Ống Khoan Dầu Khí Việt Nam	Việt Nam	25,79%	Dịch vụ ống mềm
Công ty TNHH Liên Doanh Kỹ thuật Giếng khoan PV Drilling và Baker Hughes	Việt Nam	25,79%	Dịch vụ kỹ thuật giếng khoan
Công ty TNHH Liên Doanh PVD Tech - Oil States Industrial	Việt Nam	25,79%	Dịch vụ
Công ty TNHH PV Drilling Expro International	Việt Nam	25,79%	Dịch vụ
Công ty TNHH Vietubes	Việt Nam	25,79%	Sản xuất thiết bị dầu khí
Công ty TNHH Liên Doanh Dịch Vụ BJ - PV Drilling	Việt Nam	24,78%	Dịch vụ
Công ty Liên doanh Rồng Đồi MV12	Singapore	17,54%	Dịch vụ dầu khí
Công ty Liên doanh Hóa chất LG-VINA	Việt Nam	15,00%	Sản xuất, bán dầu hỏa dẻo DDP
Công ty Liên doanh DMC-VTS	Lào	13,90%	Đầu tư, thăm dò, khai thác khoáng sản Bante
Công ty TNHH Khí nhiên liệu Giao Thông Vận Tải	Việt Nam	27,77%	Kinh doanh khí

(vii) Theo Hiệp định liên Chính phủ ký ngày 27 tháng 12 năm 2010, Tập đoàn trực tiếp quản lý toàn bộ vốn góp của Chính phủ Việt Nam trong Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro (Vietsovpetro).

(viii) Công ty Liên doanh Rusvietpetro được đăng ký thành lập tháng 7 năm 2008 tại Nga giữa Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và Tập đoàn Zarubezhneft với mục tiêu khai thác dầu tại khu tự trị Nhenhetxki ở Liên bang Nga. Công ty Liên doanh Rusvietpetro bắt đầu vận hành thương mại từ ngày 30 tháng 9 năm 2010.

- (ix) Công ty TNHH Gazpromviet được đăng ký thành lập tháng 12 năm 2009 tại Nga giữa Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và Tập đoàn Gazprom với mục tiêu thăm dò khai thác dầu khí mỏ Nagumanov ở Liên Bang Nga. Đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, công ty chưa đi vào vận hành thương mại.
- (x) Công ty Liên doanh Petromacareo thành lập tại Venezuela giữa Công ty TNHH Nhà nước MTV - Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (PVEP - Công ty con) và Công ty Corporación Venezolana del Petróleo S.A. (CVP) để khai thác và nâng cấp dầu Lô Junin 2, vành đai dầu Orinoco, Cộng hòa Boliva Venezuela theo thỏa thuận ký ngày 01 tháng 7 năm 2010. Thời hạn hoạt động của công ty liên doanh này là 25 năm và có thể gia hạn tối đa thêm 15 năm. Công ty Liên doanh Petromacareo được PVEP đầu tư với tổng số tiền là 1.583.176 triệu VND. Tập đoàn đang phản ánh khoản đầu tư này trên báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp giá gốc do chưa có báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty Liên doanh Petromacareo và đã thực hiện trích lập dự phòng cho khoản đầu tư này theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty Liên doanh Petromacareo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 với số tiền là 418.780 triệu VND. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tập đoàn chưa thu thập được báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty Liên doanh Petromacareo để đánh giá khả năng thu hồi và đang làm việc với các cơ quan có thẩm quyền để có phương án xử lý đối với khoản đầu tư nêu trên.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn được dịch sang Tiếng Anh từ bản báo cáo tài chính hợp nhất phát hành tại Việt Nam bằng ngôn ngữ Tiếng Việt.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 21 tháng 3 năm 2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 53/2016/TT-BTC ("Thông tư 53") sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 53 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2016. Tập đoàn đã áp dụng Thông tư 53 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Tập đoàn.

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MASCO P. CO., LTD./VN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về thành quả và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và báo cáo tài chính của các công ty do Tập đoàn kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016. Việc kiểm soát này đạt được khi Tập đoàn có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc bán cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tập đoàn và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa các công ty trong cùng Tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Bất động sản Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC-Land - công ty con của Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam - PVC - Công ty con)

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của PVC-Land với tổng tài sản là 576.523 triệu VND, nợ phải trả là 519.145 triệu VND, tổng lỗ kế toán trước thuế là 4.580 triệu VND được lập trên giả định hoạt động liên tục. Theo báo cáo tài chính của PVC-Land cung cấp, nợ phải trả ngắn hạn của PVC-Land vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 314.822 triệu VND, lỗ lũy kế của PVC-Land là 194.415 triệu VND, một số khách hàng mua căn hộ tại Dự án chung cư Petrovietnam Landmark do PVC-Land làm chủ đầu tư đã tiến hành khởi kiện PVC-Land vì chậm bàn giao căn hộ. Ngày 24 tháng 02 năm 2017, Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định số 52/2017/QĐ-MTTPS quyết định mở thủ tục phá sản đối với PVC-Land. Ngày 30 tháng 3 năm 2017, Tòa án Nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định số 04/2017/QĐPT-MTTPS quyết định hủy Quyết định số 52/2017/QĐ-MTTPS. Các dấu hiệu trên cho thấy giả định PVC-Land hoạt động liên tục có phù hợp hay không phụ thuộc vào khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn của PVC-Land. Do đó, PVC chưa đánh giá được giả định PVC-Land hoạt động liên tục có phù hợp hay không.

Ban Tổng Giám đốc PVC quyết định hợp nhất báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 chưa được kiểm toán của PVC-Land, với tổng tài sản là 576.523 triệu VND, nợ phải trả là 519.145 triệu VND, tổng lỗ kế toán trước thuế là 4.580 triệu VND và tin tưởng rằng các điều chỉnh (nếu có) sẽ không ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất của PVC. Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn chưa bao gồm bất cứ điều chỉnh nào có thể có liên quan đến sự kiện này.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tập đoàn. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tập đoàn vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tập đoàn tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tập đoàn tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Tập đoàn thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Tập đoàn, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Tập đoàn vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Tập đoàn và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu từ hoạt động của liên doanh được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Tập đoàn và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

001
CỘ
CH NH
DEL
VIỆ
NG D

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN/HN

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Tập đoàn lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Đối với khoản góp vốn liên doanh vào Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro (Vietsovpetro), khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc và tiền lãi đầu, lãi và các khoản khác được chia cho bên Việt Nam từ Vietsovpetro được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo quy định tại Nghị định số 06/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ về việc Ban hành Quy chế quản lý tài chính của Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

Bất kỳ lợi thế thương mại nào có được từ việc mua lại phần góp vốn của Tập đoàn tại đơn vị góp vốn liên doanh đồng kiểm soát được kế toán phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn liên quan đến lợi thế thương mại.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tập đoàn trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

Lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế thương mại từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản có khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Tập đoàn nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Tập đoàn có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các năm tài chính tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Tập đoàn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Ứng vốn trong các hợp đồng dầu khí

Ứng vốn trong các hợp đồng dầu khí phản ánh các khoản phải thu hoặc phải trả các công ty điều hành trong các hợp đồng dầu khí tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Theo quy định trong các hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí (PSC) và hợp đồng liên doanh điều hành dầu khí (JOC), hàng tháng căn cứ vào chương trình hoạt động và ngân sách đã được phê duyệt, công ty điều hành chung sẽ yêu cầu các Nhà thầu tham gia hợp đồng ứng trước số tiền dự tính cần chi tiêu cho tháng tiếp theo.

Các tài sản hoặc chi phí hình thành của hợp đồng được ghi nhận vào các khoản mục tài sản và tương ứng ghi giảm khoản ứng trước trong các hợp đồng dầu khí trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất của Tập đoàn.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tập đoàn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tập đoàn được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

00 / T HƯ T T VA TP

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Theo Công văn số 18327/BTC-CDKT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc hạch toán hàng tồn kho, BSR được tính giá trị hàng tồn kho cố định trong đường ống, thiết bị, bể chứa theo giá trị ghi sổ kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015 vào nguyên giá tài sản cố định. BSR được phép thực hiện trích khấu hao của dây chuyền nhà máy theo giá trị đã bao gồm giá trị hàng tồn kho cố định trong đường ống, thiết bị, bể chứa được xác định như trên từ năm 2016 theo thời gian khấu hao còn lại của tài sản cố định.

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Dầu khí (PVD - Công ty con) đã thay đổi phương pháp trích khấu hao các giàn khoan (máy móc và thiết bị) từ khấu hao đường thẳng sang khấu hao theo số giờ hoạt động của giàn khoan. Ban Tổng Giám đốc PVD tin tưởng rằng việc áp dụng phương pháp khấu hao mới sẽ phản ánh phù hợp tình hình hoạt động của giàn khoan.

Tài sản cố định hữu hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

	Năm nay	Năm trước
	Số năm	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	3 - 50	3 - 50
Máy móc, thiết bị - Giàn khoan	Theo số giờ hoạt động	10 - 20
Máy móc, thiết bị - Khác	3 - 20	3 - 20
Phương tiện vận tải	3 - 30	3 - 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	2 - 15	2 - 15
Tài sản cố định khác	2 - 25	2 - 25

Các tài sản cố định hữu hình được đánh giá lại khi có quyết định của Nhà nước hoặc cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Các khoản lãi/lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Thuê tài sản

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu các điều khoản của hợp đồng thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích liên quan tới quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Các trường hợp khác được phân loại là thuê hoạt động.

Tập đoàn ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Tập đoàn theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Tập đoàn về chi phí đi vay (xem trình bày dưới đây).

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào giá trị còn lại của tài sản cho thuê và kế toán theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, bản quyền, bằng sáng chế, phần mềm máy tính và các tài sản cố định vô hình khác, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Các tài sản cố định vô hình được đánh giá lại khi có quyết định của Nhà nước hoặc cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng, vật kiến trúc do Tập đoàn nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản.

Tập đoàn không trích khấu hao đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Chi phí tìm kiếm, thăm dò dầu khí

Chi phí tìm kiếm, thăm dò dầu khí phản ánh toàn bộ những khoản chi phí trực tiếp và chi phí gián tiếp phát sinh liên quan đến các hoạt động thăm dò, tìm kiếm dầu khí theo từng hợp đồng dầu khí hoặc theo từng diện tích tìm kiếm đối với hoạt động tự tìm kiếm, thăm dò dầu khí.

Nếu hết giai đoạn tìm kiếm thăm dò mà không có phát hiện thương mại trong diện tích tìm kiếm thì Tập đoàn được ghi giảm nguồn kinh phí từ Quỹ tìm kiếm, thăm dò dầu khí tương ứng với khối lượng công tác tìm kiếm thăm dò của dự án đã được Quỹ thanh toán đối với các dự án cơ bản. Đối với các dự án còn lại, Tập đoàn hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian không quá 5 năm kể từ ngày kết thúc dự án theo phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền.

Tập đoàn thực hiện đánh giá khả năng khai thác thương mại đối với các dự án dầu khí đang tìm kiếm thăm dò theo định kỳ. Những dự án được đánh giá có sản lượng khai thác thương mại thấp, dẫn đến khả năng không thu hồi được chi phí, Tập đoàn thực hiện phân bổ dần các chi phí tìm kiếm, thăm dò này vào kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian 5 năm.

Chi phí tìm kiếm, thăm dò thuộc các đối tượng có phát hiện thương mại được tập hợp và chuyển sang "Chi phí trả trước dài hạn" và được phân bổ cho sản lượng dự kiến khai thác của đối tượng trong khuôn khổ của hợp đồng dầu khí, nếu không có quy định nào khác của Nhà nước.

Nếu việc tìm kiếm, thăm dò dầu khí được thực hiện như một nhiệm vụ điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản và sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp kinh tế thì chi phí này sẽ được tập hợp và quyết toán với nguồn được cấp theo quy định tài chính hiện hành.

Chi phí phát triển mỏ trong các hợp đồng dầu khí

Chi phí phát triển mỏ là toàn bộ chi phí trực tiếp và chi phí gián tiếp phát sinh trong năm liên quan đến hoạt động phát triển mỏ trong diện tích phát triển và hệ thống bao tiêu, xử lý và/hoặc vận chuyển. Chi phí phát triển mỏ trong các hợp đồng dầu khí được theo dõi chi tiết theo từng hợp đồng dầu khí. Chi phí phát triển mỏ sẽ được chuyển sang "Chi phí trả trước dài hạn" và được phân bổ vào giá thành khai thác dầu khí theo sản lượng khai thác của mỏ trong khuôn khổ của hợp đồng dầu khí.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản chi phí tìm kiếm, thăm dò dầu khí, phát triển mỏ tại các hợp đồng dầu khí có phát hiện thương mại và các khoản chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tập đoàn.

Chi phí trả trước là các khoản chi phí tìm kiếm thăm dò dầu khí và phát triển mỏ nói trên được Tập đoàn phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm theo tỷ lệ giữa sản lượng khai thác thực tế hàng tháng với sản lượng dự kiến khai thác đến hết thời hạn hợp đồng của mỏ trong khuôn khổ của hợp đồng dầu khí. Sản lượng dự kiến khai thác đến hết thời hạn hợp đồng của mỏ được xác định trên cơ sở kế hoạch phát triển mỏ dầu khí đã được phê duyệt, báo cáo của các nhà điều hành và các công ty liên doanh điều hành chung.

Định kỳ, Tập đoàn xem xét lại sản lượng dự kiến khai thác đến hết thời hạn hợp đồng của mỏ trong khuôn khổ của hợp đồng dầu khí. Trong trường hợp sản lượng khai thác dự kiến đến hết thời hạn hợp đồng của mỏ khi đánh giá lại có sự chênh lệch so với sản lượng khai thác dự kiến đến hết thời hạn hợp đồng của mỏ đã được xác định trước đó, Tập đoàn sẽ điều chỉnh lại tỷ lệ phân bổ chi phí tìm kiếm thăm dò và chi phí phát triển mỏ cho các năm tiếp theo cho phù hợp.

Hàng năm, Tập đoàn đã thực hiện đánh giá khả năng khai thác thương mại đối với các dự án dầu khí đang trong giai đoạn khai thác. Những dự án được đánh giá có sản lượng khai thác thương mại thấp, dẫn đến khả năng không thu hồi được chi phí, Tập đoàn sẽ trình lên cấp có thẩm quyền phê duyệt việc phân bổ dần các chi phí tìm kiếm thăm dò và chi phí phát triển mỏ này vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Việc phân bổ sẽ thực hiện theo phê duyệt cuối cùng của cơ quan có thẩm quyền.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm các chi phí công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa văn phòng, chi phí tiền thuê đất và các khoản chi phí khác được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Tập đoàn có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Quỹ bình ổn giá xăng dầu

Quỹ bình ổn giá xăng dầu được trích lập và sử dụng theo quy định tại Thông tư liên tịch số 39/2014/TTLT-BCT-BTC ngày 29 tháng 10 năm 2014 của Liên Bộ Công thương và Bộ Tài chính quy định về "phương pháp tính giá cơ sở, cơ chế hình thành, quản lý, sử dụng quỹ bình ổn giá và điều hành giá xăng dầu theo quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu".

Quỹ bình ổn giá xăng dầu được trích lập bằng một khoản tiền cụ thể, cố định trong giá cơ sở của lượng xăng dầu thực tế tiêu thụ và được xác định là một khoản mục chi phí trong cơ cấu giá cơ sở (mức trích căn cứ theo quy định từng thời kỳ của Bộ Tài chính).

Quỹ bình ổn giá xăng dầu được sử dụng theo công văn chỉ đạo của Bộ Tài chính từng thời kỳ. Việc sử dụng quỹ bình ổn giá xăng dầu dựa trên sản lượng thực tế tiêu thụ nhân mức sử dụng trên một lít xăng dầu theo quy định của Bộ Tài chính.

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích lập để tạo nguồn đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Tập đoàn. Quỹ được hình thành trên cơ sở trích lập tối đa bằng 10% thu nhập chịu thuế trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp và được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Quỹ thu dọn mỏ

Quỹ thu dọn mỏ được trích lập để đảm bảo nghĩa vụ tài chính cho việc thu dọn công trình cố định, thiết bị và phương tiện phục vụ hoạt động dầu khí theo kế hoạch được Bộ Công thương phê duyệt, đồng thời bảo đảm các yêu cầu về bảo vệ lòng đất, khôi phục trạng thái môi trường sinh thái, an toàn giao thông và các nguồn lợi khác của biển sau khi kết thúc hoạt động. Theo Quyết định số 40/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 21 tháng 3 năm 2007, việc quản lý quỹ đảm bảo nghĩa vụ tài chính cho việc thu dọn công trình cố định, thiết bị và phương tiện do Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam thực hiện. Trong thời gian chưa sử dụng quỹ thu dọn mỏ, PVN gửi số tiền của quỹ vào một tài khoản sinh lãi riêng tại một tổ chức tín dụng tại Việt Nam. Tiền lãi phát sinh hàng năm sau khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước được nhập quỹ.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tập đoàn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Tập đoàn được ghi nhận theo chính sách kế toán của Tập đoàn về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Doanh thu bán dầu thô và khí tự nhiên được ghi nhận khi hàng hóa đã giao và chuyển quyền sở hữu cho người mua. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

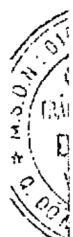
Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tập đoàn có quyền nhận khoản lãi này.

Tiền lãi đầu, khí sau thuế được chia với tư cách nhà thầu (bao gồm cả tiền lãi đầu, khí và các khoản khác được chia cho bên Việt Nam từ Liên doanh Việt - Nga "Vietsoyepetro") và tiền đầu thu hồi chi phí thu được từ các hợp đồng đầu khí được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo quy định tại Nghị định số 06/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ về việc Ban hành quy chế quản lý tài chính của Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thưởng thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.



Ngoại tệ

Báo cáo tài chính của các đơn vị được trình bày bằng đồng tiền của nền kinh tế mà đơn vị đang hoạt động (đồng tiền cơ sở). Cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất, kết quả và tình hình tài chính của từng đơn vị được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), đồng tiền cơ sở của Tập đoàn và là đồng tiền cho mục đích trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

Ghi nhận chênh lệch tỷ giá từ việc chuyển đổi báo cáo tài chính trình bày bằng ngoại tệ

Cho mục đích trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, tài sản và công nợ của các công ty con, công ty liên doanh, liên kết có báo cáo tài chính trình bày bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang VND theo tỷ giá tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất. Doanh thu, chi phí được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân trong năm, trừ khi tỷ giá có sự thay đổi lớn trong năm, khi đó, tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ sẽ được sử dụng. Chênh lệch tỷ giá phát sinh sẽ được phân loại vào nguồn vốn chủ sở hữu và được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" trên báo cáo tài chính hợp nhất hoặc vào kết quả kinh doanh trong năm trong trường hợp Tập đoàn thanh lý công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, khoản lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc chuyển đổi báo cáo tài chính trình bày bằng ngoại tệ được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất của Tập đoàn có giá trị là 4.805.951 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2015: lỗ 3.736.519 triệu VND).

Ghi nhận chênh lệch tỷ giá tại các Ban quản lý dự án của Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

Khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh tại các Ban quản lý dự án của Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam chủ yếu liên quan tới các công trình xây dựng dở dang sẽ được bàn giao toàn bộ cho các công ty con. Theo hướng dẫn tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá", đối với các doanh nghiệp có hoạt động sản xuất kinh doanh, chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh. Trong năm 2016, chênh lệch tỷ giá phát sinh tại các Ban quản lý dự án của Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã được ghi nhận toàn bộ vào kết quả hoạt động kinh doanh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, khoản lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh tại các Ban quản lý dự án của PVN đang ghi nhận trên mục vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất là 50.508 triệu VND.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Chi phí đi vay liên quan đến các khoản góp vốn vào các hợp đồng đầu khí và các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp liên quan đến hoạt động khai thác dầu thô và khí của các hợp đồng phân chia sản phẩm được xác định theo điều khoản quy định trong hợp đồng và tỷ lệ thuế suất ấn định trên từng lô dầu, khí theo quy định của Bộ Tài chính, khoảng từ 28% đến 50% (ngoại trừ các lô dầu khí ở ngoài Việt Nam, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 0%).

Thuế thu nhập doanh nghiệp của các hoạt động khác được thực hiện theo luật thuế hiện hành tại Việt Nam với tỷ lệ thuế suất từ 10% đến 20%.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tập đoàn có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tập đoàn có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Tập đoàn căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan có giao dịch với Tập đoàn chủ yếu là các Tập đoàn, Tổng Công ty có cùng chủ sở hữu là Nhà nước và các Công ty liên doanh, liên kết của Tập đoàn.

Tuy nhiên, không phải tất cả các công ty mà Nhà nước là chủ sở hữu hoặc có quyền chi phối được xem là bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan cần chú ý bản chất của các mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của mối quan hệ đó.

Các chính sách kế toán riêng áp dụng theo Đề án tái cấu trúc Ngân hàng giai đoạn 2016-2020

Trong năm 2015, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam ("PVcomBank" - Công ty con) đã lập và đệ trình Đề án tái cơ cấu giai đoạn 2016 - 2020 lên Ngân hàng Nhà nước ("NHNN"). Trong đó, PVcomBank đã trình bày thực trạng tình hình tài chính sau 2 năm sáp nhập, kết quả thực hiện sáp nhập và nêu một số kiến nghị xử lý tài chính hỗ trợ quá trình tái cơ cấu sau khi sáp nhập. NHNN đã xem xét, lấy ý kiến các cơ quan Nhà nước khác có liên quan và đệ trình lên Thủ tướng Chính phủ phê duyệt các kiến nghị của PVcomBank. Ngày 10 tháng 3 năm 2016, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt tờ trình của NHNN. Theo đó, từ năm 2015, PVcomBank đã áp dụng các kiến nghị trong Đề án trong việc lập báo cáo tài chính của PVcomBank.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>
Tiền mặt	484.481	458.534
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	21.281.942	25.273.553
<i>Trong đó:</i>		
- Quỹ thu dọn mở giữ hộ các nhà thầu dầu khí	-	1.805.063
Tiền đang chuyển	546	10.409
Các khoản tương đương tiền (*)	55.963.236	76.343.222
	<u>77.730.205</u>	<u>102.085.718</u>

(*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi ngắn hạn của Tập đoàn có thời hạn thu hồi gốc nhỏ hơn hoặc bằng ba (03) tháng tại các ngân hàng thương mại.

TẬP ĐOÀN ĐẦU KHÍ VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc hợp lý (II) Triệu VND	Giá trị Dự phòng Triệu VND	Giá gốc Triệu VND	Giá trị hợp lý (II) Triệu VND
a) Chứng khoán kinh doanh				
Cổ phiếu	551.534	223.384	807.750	491.740
Trái phiếu	3.056.013	-	4.147.814	-
Các khoản đầu tư khác	-	-	1.745	1.745
	3.607.547	223.384	4.957.309	316.010

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc Triệu VND	Giá trị ghi số Triệu VND	Giá gốc Triệu VND	Giá trị ghi số Triệu VND
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
<u>b1) Ngắn hạn</u>				
Tiền gửi có kỳ hạn	89.943.031	89.943.031	64.271.789	64.269.672
Trong đó:				
Quỹ thu đơn mô giữ hộ các nhà thầu đầu khí	41.156.900	41.156.900	31.082.711	31.082.711
Uỷ thác quản lý danh mục đầu tư trái phiếu	3.180.000	3.180.000	850.000	850.000
Trái phiếu	50.000	50.000	1.322.023	1.322.023
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác	1.302.729	1.049.488	2.926.247	2.676.886
	94.475.760	94.222.519	69.370.059	69.118.581

b2) Dài hạn

Trái phiếu (i)	6.584.279	6.566.951	4.211.534	4.202.579
Tiền gửi có kỳ hạn	160.000	160.000	452.818	452.818
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác	835.616	835.616	374.434	374.434
	7.579.895	7.562.567	5.038.786	5.029.831

(i) Trái phiếu nắm giữ đến ngày đáo hạn phân ánh các khoản trái phiếu doanh nghiệp có thời hạn từ 3 năm đến 10 năm, lãi suất từ 0%/năm đến 11%/năm.

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN/HN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị	Giá trị
	Triệu VND	Triệu VND	hợp lý (i)	hợp lý (ii)
			Triệu VND	Triệu VND
c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
Công ty TNHH Hóa dầu Long Sơn	521.978	-	521.978	-
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	334.953	-	334.953	-
Công ty Cổ phần TD	262.257	262.257	-	66.782
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	253.051	2.129	129.816	-
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	147.300	147.300	-	147.300
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	777.286	204.080	573.206	173.888
Đầu tư vào các quỹ, các dự án	282.967	19.108	263.859	34.789
	2.579.792	634.874	1.823.812	422.759
			2.563.351	2.029.795

(ii) Theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cần được trình bày. Tập đoàn đã xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này trên cơ sở giá niêm yết của cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất và số lượng cổ phiếu mà Tập đoàn đang nắm giữ. Tuy nhiên, Tập đoàn có một số khoản đầu tư vào chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên các thị trường chứng khoán, do Thông tư 200 không có hướng dẫn cách xác định nên giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào các đơn vị đó tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 được xác định bằng giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư để trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Thông tin chi tiết phần tài sản thuần của Tập đoàn trong các công ty liên kết, liên doanh tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	Triệu VND	Triệu VND
Đầu tư vào công ty liên kết	15.355.472	17.354.579
Giá trị gốc của khoản đầu tư	16.501.959	16.107.083
Lợi nhuận thuần từ khoản đầu tư vào công ty liên kết	(1.146.487)	1.247.496
Góp vốn liên doanh	20.196.449	18.083.062
Giá trị gốc của khoản đầu tư	15.075.957	14.947.331
Lợi nhuận thuần từ khoản đầu tư vào công ty liên doanh (iii)	5.120.492	3.135.731
	35.551.921	35.437.641

(iii) Lợi nhuận thuần từ khoản đầu tư vào công ty liên doanh không bao gồm phần lợi nhuận thuần của khoản đầu tư vào Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro (Vietsovpetro) do tiền lãi dầu khí và các khoản khác được chia cho bên Việt Nam từ Vietsovpetro được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính của Tập đoàn theo Nghị định số 06/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ về việc Ban hành Quy chế quản lý tài chính của Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	Triệu VND	Triệu VND
Sản xuất điện	9.377.620	6.465.301
Sản phẩm chế biến xăng, dầu	7.052.759	5.239.776
Dịch vụ tài chính	6.155.196	4.657.762
Dịch vụ xây lắp, cơ khí	5.379.037	4.038.263
Thương mại và phân phối	3.524.547	3.481.914
Khai thác dầu thô	3.472.471	1.679.308
Thu gom, chế biến khí	3.144.649	2.392.639
Dịch vụ khoan	1.553.046	2.568.144
Dịch vụ tàu cảng	1.276.815	1.812.289
Sản xuất phân đạm	116.698	108.743
Khai thác khí, condensate	127.050	90.831
Khác	960.409	913.022
	42.140.297	33.447.992

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	<u>Số cuối năm</u> Triệu VND	<u>Số đầu năm</u> Triệu VND
Ngắn hạn		
Cho vay các tổ chức kinh tế, cá nhân trong nước	18.162.105	13.328.529
Cho vay các tổ chức tín dụng	1.994.310	437.800
Cho vay các công ty liên doanh	1.476.009	28.758
Khoản chờ xử lý đã có tài sản gắn nợ	233.184	233.184
Nợ cho vay được khoanh và nợ chờ xử lý	6.774	-
Cho vay bằng vốn tài trợ, ủy thác cho vay	2.882	35.479
Cho vay chiết khấu thương phiếu và giấy tờ có giá	2.131	4.488
	21.877.395	14.068.238
Dài hạn		
Cho vay các tổ chức kinh tế, cá nhân trong nước	21.633.835	19.019.000
Cho vay các công ty liên doanh	8.417.178	7.352.591
Cho vay bằng vốn tài trợ, ủy thác cho vay	3.286.824	735.425
Cho vay các tổ chức tín dụng	955.034	955.034
Nợ cho vay được khoanh và nợ chờ xử lý	-	6.550
	34.292.871	28.068.600

Phải thu về cho vay chủ yếu bao gồm:

- Khoản Tập đoàn cho Công ty Liên doanh Rusvietpetro (Rusvietpetro) (thành lập tại Cộng hòa Liên bang Nga) vay. Khoản cho Rusvietpetro vay có thời hạn trả nợ gốc là 5 năm, trong đó 1,5 năm ân hạn, lãi suất 5,0%/năm áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến khi hoàn trả các khoản nợ gốc (nếu không có thỏa thuận nào khác giữa các bên), không có tài sản bảo đảm và gốc vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 240 triệu USD (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 240 triệu USD). Thời hạn trả nợ gốc cuối cùng theo các thỏa thuận bổ sung của hai bên là cuối quý I năm 2019.
- Khoản Tập đoàn cho Công ty TNHH Lọc hóa dầu Nghi Sơn (Nghi Sơn) vay. Lãi suất của khoản cho vay được tính bằng lãi suất LIBOR 1 tháng tại từng thời điểm cộng với 6%/năm. Khoản cho vay không có tài sản bảo đảm và gốc vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 195,8 triệu USD (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 87,85 triệu USD).
- Các khoản phải thu về cho vay khác chủ yếu phản ánh các khoản Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng Việt Nam (PVcomBank - Công ty con) cho các tổ chức, cá nhân trong nước vay.

9. PHẢI THU KHÁC

a) Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Triệu VND	Triệu VND
Ứng kinh phí cho hoạt động quốc phòng, an ninh	4.506.466	1.180.025
Chi phí mua mỏ Chevron (i)	4.238.695	4.378.725
Phải thu lãi cho vay	3.958.962	1.960.703
Dự thu tiền bán khí và condensate	3.075.210	3.427.265
Ứng vốn cho các hợp đồng dầu khí	1.694.388	2.094.785
Phải thu lãi từ đầu tư chứng khoán	1.017.235	1.163.957
Phải thu tiền nhận bồi hoàn	1.059.194	1.240.848
Lãi tiền gửi ngân hàng và các khoản ủy thác vốn	923.921	921.042
Phải thu liên quan đến ủy thác vốn	732.545	1.754.518
Phải thu Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy (ii)	720.297	720.297
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	610.134	807.400
Phải thu về chuyển nhượng cổ phần và các giấy tờ có giá	608.973	1.495.222
Phải thu nhà điều hành các lô dầu khí	460.508	483.362
Phải thu về thu hộ, chi hộ	388.976	1.122.158
Phải thu về thuế	344.450	256.055
Phải thu Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	322.200	322.200
Phải thu khách hàng phần dịch vụ đã thực hiện	226.728	477.044
Phải thu về đầu tư dài hạn đang trong quá trình hoàn tất thủ tục đầu tư	214.080	214.072
Phải thu về mua bán nợ	194.964	-
Phải thu về công trình xây dựng cơ bản	168.519	114.188
Phải thu Murphy Asia Oil Company Limited về chuyển nhượng quyền tham gia góp vốn tại Lô 15-1/05	168.104	-
Tạm ứng cho cán bộ nhân viên	140.648	214.543
Phải thu các dự án đóng tàu	128.448	128.448
Phải thu Ngân sách Nhà nước khoản tạm ứng liên quan đến công trình ngoài hàng rào Nhà máy Lọc dầu Dung Quất	122.903	122.903
Phải thu Công ty Cổ phần Bất động sản Dầu khí Việt Nam - SSG	122.109	122.109
Phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam	121.643	121.643
Ứng vốn thực hiện dự án đường ống Tây Nam	93.229	-
Phải thu tiền đặt cọc, tạm ứng cho nhà cung cấp và phí bảo lãnh	79.227	167.816
Phải thu nhà thầu phí đào tạo theo cam kết trong các hợp đồng dầu khí	65.927	32.578
Phải thu Bộ Giao thông Vận tải	50.970	50.970
Phải thu về phí nhân lực	34.560	48.769
Phải thu lãi liên doanh, cổ tức, lợi nhuận được chia	20.695	375.908
Các khoản phải thu về hỗ trợ lãi suất	17.134	17.134
Phải thu Công ty Mua bán Điện	2.929	364.087
Phải thu chiết khấu mua hàng từ nhà cung cấp	-	253.864
Phải thu về hợp tác kinh doanh	-	94.921
Phải thu về các hợp đồng nghiên cứu khoa học	-	26.050
Phải thu tiền thanh toán hộ mua cổ phần	-	13.500
Phải thu ngắn hạn khác	2.446.175	2.325.062
	29.081.146	28.614.171

- (i) Phản ánh khoản thanh toán mua toàn bộ cổ phần tại 03 Công ty Chevron Southwest Vietnam Pipeline Co. Ltd., Chevron Vietnam (Block B) Ltd., Chevron Vietnam (Block 52) Ltd., theo Hợp đồng mua bán cổ phần ký ngày 27 tháng 02 năm 2015 giữa Unocal International Corporation, Chevron Foreign Investment Inc và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.
- (ii) Phải thu Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy (SBIC) (trước đây là Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam) phản ánh khoản Tập đoàn đã thanh toán cho SBIC liên quan đến các dự án nhận bàn giao từ SBIC. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tập đoàn chưa đối trừ hết số tiền đã thanh toán cho SBIC là 720.297 triệu VND.

b) Phải thu dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>
Lãi và phí phải thu (lii)	5.138.954	4.453.425
Phải thu Công ty Gazprom EP International B.V. về chuyển nhượng quyền tham gia góp vốn trong các Lô 05.2 và 05.3 (iv)	2.590.679	3.265.271
Ký cược, ký quỹ dài hạn	291.976	202.391
Phải thu dài hạn khác	577.821	251.684
	<u>8.599.430</u>	<u>8.172.771</u>

- (iii) Phản ánh các khoản lãi và phí phải thu từ các khoản ủy thác đầu tư, lãi phải thu từ hoạt động tín dụng và lãi phải thu từ hoạt động chứng khoán tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng Việt Nam.
- (iv) Phản ánh khoản phải thu Công ty Gazprom EP International B.V. ("GPEPI") tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 với số tiền 131.087.674,70 USD về chi phí quá khứ liên quan đến Lô 05.2 và Lô 05.3 theo hướng dẫn tại Công văn số 5271/BTC-TCĐN ngày 23 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn ghi nhận các khoản phải thu của hợp đồng phân chia sản phẩm các Lô 05.2 và Lô 05.3 mà Tập đoàn được quyền thu hồi khi tiếp nhận hai lô này.

Khoản này được Tập đoàn thu hồi hàng tháng thông qua căn trừ trực tiếp 25% sản lượng dành cho thu hồi chi phí được phân bổ cho GPEPI đến khi GPEPI hoàn trả đầy đủ cho Tập đoàn hoặc đến khi kết thúc đời mỏ, tùy thuộc vào điều kiện nào đến trước.

10. NỢ XẤU

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, số dư nợ xấu chủ yếu tại một số đơn vị thành viên của Tập đoàn như sau:

	<u>Số cuối năm</u> Triệu VND	<u>Số đầu năm</u> Triệu VND
Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam		
Phải thu ủy thác đầu tư và phải thu khác	2.383.617	2.149.925
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam		
Các khoản phải thu tồn đọng lâu ngày	1.125.138	1.414.148
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất		
Các khoản phải thu tồn đọng lâu ngày	1.042.707	897.883
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH MTV		
Các khoản phải thu tồn đọng lâu ngày	891.865	922.180
Công ty Cổ phần PVI		
Các khoản phải thu, cho vay quá hạn tồn đọng lâu ngày	420.183	719.989

11. HÀNG TỒN KHO

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u> Triệu VND	<u>Dự phòng</u> Triệu VND	<u>Giá gốc</u> Triệu VND	<u>Dự phòng</u> Triệu VND
Nguyên vật liệu	5.616.389	(336.759)	6.699.748	(563.698)
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	6.488.685	(55.226)	5.627.204	(143.618)
Hàng hóa	2.709.215	(38.780)	4.411.950	(215.396)
Thành phẩm	1.270.118	(23.262)	2.240.647	(155.026)
Công cụ, dụng cụ	2.100.065	(9.628)	1.693.615	(183.057)
Hàng mua đang đi đường	2.443.950	-	1.062.855	(47.822)
Hàng hóa bất động sản	344.297	(34.303)	424.288	(36.491)
Hàng gửi bán	124.466	-	331.692	-
Hàng hóa khác	8.217	-	2.458	-
	21.105.402	(497.958)	22.494.457	(1.350.108)

Theo Công văn số 18327/BTC-CDKT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc hạch toán hàng tồn kho và căn cứ vào khối lượng hàng tồn kho cố định là dầu thô, sản phẩm trung gian, thành phẩm tồn cố định trong đường ống, thiết bị và bể chứa của Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn (BSR - Công ty con) theo Chứng thư giám định khối lượng hàng tồn kho cố định số 17631001 ngày 12 tháng 01 năm 2017 của Công ty Cổ phần Giám định Năng lượng Việt Nam, BSR đã xác định giá trị hàng tồn kho cố định được hạch toán tăng nguyên giá tài sản cố định theo giá trị ghi sổ kế toán với số tiền là 1.007.069 triệu VND và để ghi giảm giá trị hàng tồn kho với số tiền tương ứng trong năm 2016.

0011
 CÔNG
 NGHỆ
 VIỆT
 NAM

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	51.148.542	141.697.803	17.786.347	2.142.682	26.620.423	239.395.797
Mua sắm mới	58.309	665.420	329.970	246.215	46.978	1.346.892
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành (i)	2.857.275	409.412	39.287	7.156	4.944.641	8.257.771
Phân loại từ hàng tồn kho cố định (ii)	-	1.007.069	-	-	-	1.007.069
Phân loại từ Tài sản thuế tài chính	-	139.765	39.533	-	-	179.298
Thanh lý, nhượng bán	(44.609)	(28.582)	(157.746)	(12.469)	(17.210)	(260.616)
Chuyển đổi sang đồng tiền cơ sở	2.775	190.254	559	554	12	194.154
Phân loại lại	(2.702.484)	505.630	-	(1.323)	2.198.177	-
Phân loại sang Bất động sản đầu tư	(64.947)	(1.503)	-	-	-	(66.450)
Giảm do thanh lý công ty con	(95.537)	(129.999)	(193.816)	(22.702)	(124)	(442.178)
Phân loại lại Sản phẩm phối 500kV (iii)	-	(218.490)	-	-	-	(218.490)
(Giảm) khác	(875)	(78.440)	(186.938)	(6.412)	(4.679)	(277.344)
Số dư cuối năm	51.158.449	144.158.339	17.657.196	2.353.701	33.788.218	249.115.903
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu năm	12.459.685	47.596.102	8.624.829	1.326.400	18.304.727	88.311.743
Khấu hao trong năm (iv)	2.386.432	8.580.871	1.192.565	286.175	2.369.753	14.815.796
Phân loại từ Tài sản thuế tài chính	-	137.120	15.682	-	-	152.802
Thanh lý, nhượng bán	(38.086)	(20.495)	(112.503)	(12.069)	(17.379)	(200.532)
Chuyển đổi sang đồng tiền cơ sở	635	57.658	486	520	12	59.311
Phân loại lại	508.349	(592.894)	10.365	74.317	(137)	-
Phân loại sang Bất động sản đầu tư	(10.701)	(194)	-	-	-	(10.895)
Giảm do thanh lý công ty con	(52.590)	(74.083)	(119.504)	(17.001)	(31)	(263.209)
(Giảm) khác	(5.841)	(15.504)	(61.022)	(1.177)	(6.069)	(89.613)
Số dư cuối năm	15.247.883	55.668.581	9.550.898	1.657.165	20.650.876	102.775.403
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu năm	38.688.857	94.101.701	9.161.518	816.282	8.315.696	151.084.054
Tại ngày cuối năm	35.910.566	88.489.758	8.106.298	696.536	13.137.342	146.340.500

- (i) Theo Biên bản Nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng, công trình xây dựng Trung tâm Phân tích thí nghiệm và văn phòng Viện Dầu khí tại Thành phố Hồ Chí Minh đã được nghiệm thu giai đoạn 1 và đưa vào sử dụng với giá trị tạm tính là 495,7 tỷ VND. Đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, công trình trên chưa được phê duyệt quyết toán đối với dự án hoàn thành theo quy định về đầu tư xây dựng cơ bản của Nhà nước. Ngoài ra, đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, công trình trên chưa được phê duyệt chính thức của cấp có thẩm quyền về nguồn vốn đầu tư hình thành tài sản cố định nên Tập đoàn quyết định chưa trích hao mòn/khấu hao đối với tài sản Trung tâm Phân tích thí nghiệm và văn phòng Viện Dầu khí tại Thành phố Hồ Chí Minh này. Theo đó, nguyên giá và giá trị còn lại của tài sản nêu trên có thể thay đổi khi có các phê duyệt và quyết định của cấp có thẩm quyền về giá trị quyết toán và nguồn vốn đầu tư công trình trên.
- (ii) BSR thực hiện điều chỉnh tăng nguyên giá tài sản cố định với số tiền là 1.007.069 triệu VND và trích khấu hao từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 theo thời gian sử dụng ước tính còn lại của tài sản cố định (nhóm máy móc và thiết bị ngành lọc hóa dầu). Việc điều chỉnh giá trị và hạch toán hàng tồn kho như trên đã được Hội đồng Thành viên của BSR phê duyệt. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, BSR đang thực hiện các thủ tục cần thiết để trình cấp có thẩm quyền liên quan đến việc điều chỉnh như trên.
- (iii) Tổ máy 1 và tổ máy 2 thuộc Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 và Sân phân phối 500kV Trung tâm Điện lực Vũng Áng đã được nghiệm thu hoàn thành để đưa vào vận hành thương mại lần lượt vào ngày 01 tháng 01 năm 2015 và ngày 12 tháng 5 năm 2015, tạm ghi tăng nguyên giá tài sản cố định theo các Quyết định của Hội đồng Thành viên PVN với tổng số tiền là 29.742.059 triệu VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, giá trị tài sản Tổ máy 1 và tổ máy 2 được theo dõi và ghi nhận tại Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PV Power - Công ty con). Ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tập đoàn đang thực hiện các thủ tục để chuyển giao Sân phân phối 500kV cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) theo văn bản hướng dẫn của các cơ quan có thẩm quyền, do đó đang tạm theo dõi giá trị Sân phân phối 500kV này trên khoản mục chi phí xây dựng cơ bản dở dang. Đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 chưa được phê duyệt quyết toán, đồng thời, các thủ tục để bàn giao Sân phân phối 500 kV Trung tâm Điện lực Vũng Áng chưa hoàn thành và quyết toán vốn. Theo đó, giá trị bàn giao của các tài sản và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên có thể thay đổi khi dự án được quyết toán và bàn giao chính thức.
- (iv) Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016, Ban Tổng Giám đốc PVD đã thay đổi phương pháp trích khấu hao các giàn khoan từ khấu hao đường thẳng sang khấu hao theo số giờ hoạt động của giàn khoan. Ban Tổng Giám đốc PVD tin tưởng rằng việc áp dụng phương pháp khấu hao mới sẽ phản ánh phù hợp tình hình hoạt động của giàn khoan. Chi phí khấu hao của các giàn khoan cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 khi áp dụng phương pháp khấu hao theo số giờ hoạt động của giàn khoan là 469.165 triệu VND (chi phí khấu hao của các giàn khoan cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 theo phương pháp khấu hao đường thẳng năm 2015 là 1.217.753 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, nguyên giá tài sản cố định hữu hình sử dụng để đảm bảo cho các khoản vay là 52.652.873 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 48.294.770 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, nguyên giá tài sản cố định hữu hình của Tập đoàn bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn được sử dụng với số tiền là 21.416.053 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 19.582.722 triệu VND).

Tại ngày kết thúc năm tài chính và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, các tài sản cố định hữu hình của Tập đoàn bao gồm Nhà máy Nhiên liệu Sinh học Bio - Ethanol Dung Quất và Nhà máy Sản xuất Xơ sợi Polyester Đình Vũ đang tạm dừng hoạt động. Giá trị còn lại của các tài sản cố định nói trên tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 6.969.447 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 7.419.723 triệu VND).

10/10/16
TĐ
ĐD
TT
AN
10/10/16

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	Tài sản cố định vô hình khác	Cộng
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	4.068.968	640.013	991.425	67.498	5.767.904
Mua sắm mới	140.581	1.027	114.357	716	256.681
Xây dựng cơ bản hoàn thành	8.503	5.531	30.453	-	44.487
Thanh lý, nhượng bán	(12.502)	-	(8.632)	(1.737)	(22.871)
Phân loại sang Bất động sản đầu tư	(49.215)	-	-	-	(49.215)
Giảm do thanh lý công ty con	(104.347)	-	(16.738)	-	(121.085)
Tăng/(giảm) khác	10.988	-	(666)	(4.478)	5.844
Số dư cuối năm	4.062.976	646.571	1.110.199	61.999	5.881.745
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	187.088	332.260	616.294	34.774	1.170.416
Trích khấu hao trong năm	39.879	39.554	154.914	7.141	241.488
Thanh lý, nhượng bán	(744)	-	(8.632)	(1.927)	(11.303)
Phân loại lại	52	-	189	(241)	-
Giảm do thanh lý công ty con	-	-	(12.847)	-	(12.847)
Tăng/(giảm) khác	3.313	-	(456)	231	3.088
Số dư cuối năm	229.588	371.814	749.462	39.978	1.390.842
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	3.881.880	307.753	375.131	32.724	4.597.488
Tại ngày cuối năm	3.833.388	274.757	360.737	22.021	4.490.903

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN ĐÒ DANG

	Năm nay Triệu VND	Năm trước Triệu VND
Số dư đầu năm	39.916.473	58.997.146
Tăng trong năm	16.291.221	22.020.029
Chuyển sang tài sản cố định, bất động sản đầu tư trong năm	(8.305.456)	(41.100.702)
Số dư cuối năm	47.902.238	39.916.473

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Chi tiết một số công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn của Tập đoàn như sau:

<u>Tên công trình</u>	<u>Số cuối năm</u> <u>Triệu VND</u>	<u>Số đầu năm</u> <u>Triệu VND</u>
Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình	27.333.343	21.204.119
Dự án nhà máy xử lý khí Cà Mau	3.386.830	949.609
Các công trình tại Ban quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Sông Hậu 1	3.332.493	947.682
Các công trình tại Ban quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Long Phú 1	2.974.746	2.233.719
Liên hợp lọc hóa dầu Nghi Sơn (i)	1.827.491	2.161.465
Dự án nâng công suất phân xưởng NH3 nhà máy Đạm Phú Mỹ và xây dựng nhà máy sản xuất NPK	1.213.038	108.329
Dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch (ii)	1.005.782	731.436
Nhà máy lọc dầu số 1 Dung Quất	872.455	205.476
Các dự án nhận bàn giao từ SBIC (iii)	695.348	695.348
Đường ống dẫn khí Lô B Ô Môn	545.769	491.221
Nhà máy Liên hiệp Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	502.199	502.199
Đường ống Nam Côn Sơn 2	293.146	4.534.331
Tổ hợp khí - điện - đạm Cà Mau	278.797	278.429
Dự án sân Golf và Khu biệt thự sinh thái Cam Ranh	239.226	228.648
Dự án tòa nhà 1A, Láng Hạ, quận Ba Đình, Hà Nội	170.238	170.238
Dự án Xuân Phương	171.546	171.415
Dự án Khu đô thị mới Vũng Tàu	156.235	156.198
Trường Đại học Dầu khí	149.273	141.245
Kho cảng nhập khẩu khí thiên nhiên hóa lỏng	135.596	135.596
Dự án Thủy điện Luang Prabang	129.648	128.976
Cấp bù Khí ẩm Nam Côn Sơn cho nhà máy xử lý Khí Dinh Cố	116.336	128.976
Dự án Khu công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp, Tiền Giang	103.079	102.409
Công trình thủy điện Hòa Na	99.757	318.433
Công trình đầu tư Khu du lịch Thanh Bình	95.823	96.823
Các dự án của Viện Dầu khí Việt Nam	76.401	351.097
Kho chứa LNG Thị Vải	74.433	74.433
Dự án Khu nhà ở cán bộ công nhân viên	64.277	64.267
Dự án thu gom và phân phối khí mỏ Hàm Rồng và Thái Bình	63.399	-
Kho cảng Xăng dầu Cái Mép - Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu (giai đoạn 2)	56.164	56.164
Đầu tư xây dựng các cửa hàng xăng dầu	50.479	64.595
Dự án bổ sung phân xưởng thu hồi lưu huỳnh	35.803	35.560
Dự án xây dựng khu du lịch biển Mỹ Khê	10.894	100.847
Dự án UFC 85/Formaldehyde	6.058	348.244
Cảng Phước An	-	224.953
Tổng kho sản phẩm khí Đà Nẵng	-	183.915
Công trình Tòa nhà số 33, đường 30/4, Vũng Tàu	-	115.165
Dự án khu nhà ở và du lịch phục vụ Công ty TNHH Lọc hóa Dầu Nghi Sơn	-	101.112
Công trình nâng công suất nhà máy điện Nhơn Trạch 1	-	78.160
Dự án Khách sạn Dầu khí Thái Bình	-	43.503

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, giá trị các công trình xây dựng cơ bản dở dang sử dụng để đảm bảo cho các khoản vay là 171.546 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 519.659 triệu VND).

- (i) Chi phí xây dựng dở dang chủ yếu liên quan đến việc thi công, nạo vét lần đầu các công trình trên biển (nạo vét từ 0m đến 9m dưới mặt nước biển - BoQ1) thuộc nghĩa vụ của Chính phủ Việt Nam như cam kết trong Hợp đồng hợp tác liên doanh Lọc hóa dầu Nghi Sơn. Tập đoàn được Chính phủ giao làm chủ đầu tư, có trách nhiệm ứng vốn thực hiện công trình. Toàn bộ chi phí sẽ được bù đắp bằng nguồn Ngân sách Nhà nước. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, công trình đã được thi công hoàn thành và đang trong quá trình quyết toán. Tập đoàn đang tạm theo dõi số tiền đã tạm ứng để thực hiện công trình nêu trên tại khoản mục chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Bảng cân đối kế toán hợp nhất để chờ hướng dẫn của các cấp có thẩm quyền về thời điểm và cách thức hoàn trả số tiền này.
- (ii) Giá trị xây dựng cơ bản dở dang dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 chủ yếu bao gồm giá trị xây dựng cơ bản dở dang dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch 1 tại Trung tâm điện lực Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình và giá trị tài sản Sân phân phối 500kV Trung tâm Điện lực Vũng Áng.

Ngày 18 tháng 10 năm 2016, Thủ tướng Chính phủ đã có văn bản điều chỉnh một số dự án nhà máy nhiệt điện trong Trung tâm Điện lực Quảng Trạch, theo đó, Thủ tướng Chính phủ giao Tập đoàn Điện lực Việt Nam thay thế Tập đoàn Dầu khí Việt Nam làm chủ đầu tư Dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch 1, công suất 2x600 MW tại Trung tâm điện lực Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình đồng thời giao Bộ Công thương hướng dẫn Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và Tập đoàn Điện lực Việt Nam thực hiện phương án xử lý các thủ tục chuyển giao theo đúng quy định của pháp luật. Đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, Tập đoàn đang chờ hướng dẫn của Bộ Công thương để thực hiện việc chuyển giao nêu trên.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tập đoàn đã tiếp nhận lại Sân phân phối 500kV Trung tâm Điện lực Vũng Áng để hoàn thành các thủ tục chuyển giao cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) theo Thông báo kết luận số 188/TB-VPCP ngày 04 tháng 6 năm 2016 của Văn phòng Chính phủ. Dự án đã được bàn giao cho đơn vị vận hành (EVN/Truyền tải Điện Hà Tĩnh) từ ngày 26 tháng 4 năm 2015 và hoàn thành nghiệm thu đóng điện chạy thử 72 giờ ngày 26 tháng 5 năm 2014. Dự án cũng đã được Tổng Giám đốc Tập đoàn phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành với giá trị 537.542 triệu VND. Tập đoàn đang tạm phản ánh giá trị dự án này trên khoản mục chi phí xây dựng cơ bản dở dang và sẽ hoàn thành các thủ tục để bàn giao theo chỉ đạo của các cấp có thẩm quyền và quyết toán vốn theo quy định.

- (iii) Theo Quyết định số 926/2010/QĐ-TTg ngày 18 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc tái cơ cấu Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam - Vinashin (nay là Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy - SBIC) và Công văn số 319/BTC-TCDN ngày 30 tháng 8 năm 2010 về việc hướng dẫn các vấn đề về tài chính khi thực hiện điều chuyển, bàn giao các doanh nghiệp và dự án thuộc Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam, Tập đoàn đang tạm hạch toán tăng chi phí xây dựng cơ bản dở dang các dự án tiếp nhận từ SBIC và tăng các khoản phải trả với số tiền là 695.348 triệu VND. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, chưa có ý kiến chính thức bằng văn bản của các cơ quan có thẩm quyền về giá trị các dự án xây dựng dở dang nhận bàn giao từ SBIC.

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<u>Số cuối năm</u> <u>Triệu VND</u>	<u>Số đầu năm</u> <u>Triệu VND</u>
Chi phí tìm kiếm, thăm dò, phát triển của các mỏ dầu khí đang khai thác (i)	103.012.735	114.280.761
Chi phí quá khứ của Hợp đồng Dầu khí Lô 04.3 (ii)	2.111.539	-
Chi phí thuê đất, thuê mặt bằng, văn phòng	877.432	1.093.351
Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng chờ phân bổ	648.599	694.254
Chi phí vỏ bình gas chờ phân bổ	498.537	548.717
Phí khoản vay tín dụng	485.944	467.670
Lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa doanh nghiệp	395.009	415.257
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	393.413	797.622
Tài trợ phân hiệu dạy nghề Nghệ An	113.320	173.320
Chi phí giải phóng mặt bằng tại Cảng Sơn Trà	102.555	105.043
Chi phí đền bù, tái định canh, định cư cho dự án Nhà máy Thủy điện Đăkđrinh	-	883.772
Phí bảo hiểm	-	168.362
Chi phí trả trước dài hạn khác	921.112	530.260
	109.560.195	120.158.389

(i) Tình hình biến động chi phí tìm kiếm, thăm dò, phát triển của các mỏ dầu khí đang khai thác trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u> <u>Triệu VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>Triệu VND</u>
Số dư đầu năm	114.280.761	102.771.351
Tăng thêm trong năm	10.210.474	24.698.028
Giảm trong năm	21.478.500	13.188.618
<i>Kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm</i>	<i>15.506.776</i>	<i>13.981.288</i>
<i>Phân bổ chi phí các dự án không đảm bảo hiệu quả kinh tế</i>	<i>5.971.724</i>	<i>(792.670)</i>
Số dư cuối năm	103.012.735	114.280.761

Chi phí tìm kiếm thăm dò, phát triển của các mỏ dầu khí đang khai thác bao gồm dự án Lô 67 tại Peru. PVEP đã ký hợp đồng với Công ty Perenco Peru (Holding) Limited để mua 52,361% cổ phần của Công ty Perenco Peru Ltd. (PPL - nay đổi tên thành PVEP Perenco Peru Ltd), một công ty được thành lập tại Bahamas, để sở hữu 50% quyền tham gia tại Hợp đồng dầu khí Lô 67 Peru vào ngày 21 tháng 6 năm 2012. Tập đoàn đang ghi nhận trên khoản mục "Chi phí trả trước dài hạn" các chi phí tham gia dự án, chi phí tìm kiếm, thăm dò và phát triển dầu khí chưa phân bổ của Lô 67 Peru tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 10.760.811 triệu VND trên cơ sở Công văn số 14873/BTC-CĐKT ngày 31 tháng 10 năm 2013 của Bộ Tài chính. Theo thông báo của Nhà điều hành Lô 67 Peru ngày 01 tháng 6 năm 2016, Dự án Lô 67 Peru đã tạm dừng khai thác vì điều kiện bất khả kháng kể từ ngày 18 tháng 5 năm 2016. Đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tập đoàn chưa xác định được chính xác thời gian khai thác trở lại của Dự án Lô 67 Peru và đang làm việc với các nhà thầu và các cơ quan có thẩm quyền để xác định phương án xử lý vấn đề nêu trên.

Phân bổ chi phí các dự án không đảm bảo hiệu quả kinh tế năm 2016 phản ánh toàn bộ chi phí tìm kiếm, thăm dò dầu khí chưa phân bổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 của các dự án 01/97 & 02/97 Lam Sơn và dự án 09.3 VRJ đã được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam phê duyệt về nguyên tắc việc dừng khai thác với số tiền là 5.971.724 triệu VND, được ghi nhận vào giá vốn hoạt động dầu khí theo Quyết định của Hội đồng thành viên PVEP.

- (ii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, trên cơ sở hướng dẫn của Bộ Tài chính, Tập đoàn đã ghi nhận phần chi phí quá khứ phát sinh trước khi ký Hợp đồng đầu khí Lô 04-3 năm 2009 tương ứng với tỷ lệ lợi ích của Tập đoàn trong Hợp đồng đầu khí Lô 04-3 vào chi phí trả trước dài hạn với số tiền là 2.118.137 triệu VND (tương đương 93.227.880 USD), đồng thời ghi tăng khoản phải trả dài hạn khác với Ngân sách Nhà nước. Chi phí quá khứ sẽ được Tập đoàn thu hồi dần từ năm 2016. Thời điểm ghi nhận và xác định tỷ lệ nộp Ngân sách Nhà nước, đầu tư trở lại cho Tập đoàn được thực hiện khi thực tế thu hồi được khoản chi phí, căn cứ tỷ lệ lãi nước chủ nhà được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với năm tương ứng.

16. CHI PHÍ TÌM KIẾM, THĂM DÒ DẦU KHÍ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>
Các hợp đồng đầu khí trong nước	32.336.362	37.561.295
Các hợp đồng đầu khí tại nước ngoài (i)	4.909.318	6.144.817
Chi đề án, đề tài (ii)	62.488	64.726
	<u>37.308.168</u>	<u>43.770.838</u>

- (i) Chi phí tìm kiếm, thăm dò đầu khí nước ngoài tại ngày kết thúc năm tài chính bao gồm khoảng 1.542.672 triệu VND là chi phí của dự án 39 Peru của PVEP. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, PVEP chưa nhận được phê duyệt chính thức từ Hội đồng Thành viên PVN và/hoặc các cơ quan chức năng về việc phê duyệt báo cáo đầu tư điều chỉnh đối với dự án nêu trên.
- (ii) Chi đề án, đề tài chủ yếu phản ánh các khoản chi phí quản lý và chi thực hiện đề tài, nhiệm vụ tìm kiếm thăm dò và đánh giá tiềm năng dầu khí phát sinh lũy kế chưa được phê duyệt quyết toán của cơ quan có thẩm quyền để ghi giảm.

Chi phí tìm kiếm, thăm dò đầu khí bao gồm 5.633.497 triệu VND là số chi phí tìm kiếm, thăm dò của các dự án đầu khí được Tập đoàn và PVEP đánh giá không hiệu quả trong năm 2014. Trong năm 2015, Tập đoàn đã gửi Công văn xin ý kiến chỉ đạo phê duyệt tới Thủ tướng Chính phủ, Bộ Công thương và Bộ Tài chính về vấn đề này. Ngày 30 tháng 6 năm 2016, Văn phòng Chính phủ đã ban hành Công văn số 1347/VPCP-KTTH gửi Bộ Tài chính, Bộ Công thương và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam giao Bộ Công thương chỉ đạo, giám sát Tập đoàn Dầu khí Việt Nam phân bổ chi phí các dự án, giếng khoan tìm kiếm thăm dò đầu khí không thành công năm 2014 của PVEP phù hợp với số liệu thanh quyết toán được kiểm toán; đảm bảo mức chi phí phân bổ sau khi chuyển về Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam không ảnh hưởng đến các chỉ tiêu tài chính theo kế hoạch năm 2014 của PVEP. Ngày 21 tháng 11 năm 2016, Bộ Công thương có Công văn số 654/BCT-TCNL ghi nhận kết quả rà soát của Tập đoàn về các dự án, giếng khoan tìm kiếm thăm dò không thành công và giao Hội đồng Thành viên PVN quyết định, giám sát việc phân bổ chi phí trong tháng 11 năm 2016. Đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tập đoàn vẫn đang tiếp tục làm việc với các cơ quan có thẩm quyền để có phê duyệt chính thức về phương án phân bổ chi phí tìm kiếm, thăm dò đầu khí của các dự án không hiệu quả trên.

1001
 CÔNG
 AN N
 ĐỘI
 VIỆT
 NG 0

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN/HN

Tình hình biến động chi phí tìm kiếm, thăm dò dầu khí trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	Triệu VND	Triệu VND
Số dư đầu năm	43.770.838	37.321.533
Tăng thêm trong năm	1.638.675	8.844.602
Các dự án trong giai đoạn thăm dò	1.498.355	5.765.143
Các dự án trong giai đoạn phát triển	140.320	3.079.459
Giảm trong năm	8.101.345	2.395.297
Kết chuyển sang chi phí trả trước dài hạn để phân bổ	4.250.172	2.004.206
Ghi nhận chi phí các dự án không thành công (iii)	2.205.934	204.572
Giảm do quyết toán vốn đầu tư	55.697	186.519
Chuyển nhượng tỷ lệ lợi ích tại các lô dầu khí	1.589.542	-
Số dư cuối năm	37.308.168	43.770.838

(iii) Chi phí các dự án không thành công năm 2016 chủ yếu bao gồm 90% chi phí tìm kiếm, thăm dò dầu khí của các dự án M2 Myanmar, 10&11.1 Côn Sơn và Marine XI Congo lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 với số tiền là 2.161.433 triệu VND được ghi nhận vào giá vốn hoạt động dầu khí theo Quyết định của Hội đồng thành viên PVEP.

17. CHI PHÍ PHÁT TRIỂN MỎ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	Triệu VND	Triệu VND
Các hợp đồng dầu khí trong nước	1.782.922	3.078.855
Các hợp đồng dầu khí tại nước ngoài	9.197.128	9.192.840
	10.980.050	12.271.695

Chi phí phát triển mỏ đối với các hợp đồng dầu khí tại nước ngoài tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 bao gồm khoản phí tham gia trả lần đầu và lần thứ hai với tổng số tiền là 442.000.000 USD mà PVEP đã chuyển cho nước Cộng hòa Bolivar Venezuela để được tham gia đầu tư khai thác tại Lô Junin 2 như trình bày tại Thuyết minh số 1.

Tình hình biến động chi phí phát triển mỏ trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	Triệu VND	Triệu VND
Số dư đầu năm	12.271.695	15.027.360
Tăng thêm trong năm	6.879.517	16.914.356
Giảm trong năm	8.171.162	19.669.961
Kết chuyển sang chi phí trả trước dài hạn để phân bổ	5.870.019	22.728.192
Giảm do phân bổ chi phí các dự án không thành công (i)	1.063.009	(4.332.690)
Kết chuyển chi phí hoạt động trong năm	1.238.134	1.274.459
Số dư cuối năm	10.980.050	12.271.695

(i) Phân bổ chi phí các dự án không thành công năm 2016 phản ánh toàn bộ chi phí phát triển mỏ lũy kế đến tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 của dự án 10&11.1 Côn Sơn với số tiền là 1.063.009 triệu VND, được ghi nhận vào giá vốn hoạt động dầu khí theo Quyết định của Hội đồng thành viên PVEP.

18. TÀI SẢN KHÁC

	<u>Số cuối năm</u> Triệu VND	<u>Số đầu năm</u> Triệu VND
a) Tài sản ngắn hạn khác		
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	7.410.785	5.513.180
Ứng trước ủy quyền đầu tư và ủy quyền bán đã ký hợp đồng chuyển nhượng	460.371	460.371
Khác	26.253	26.254
	7.897.409	5.999.805
b) Tài sản dài hạn khác		
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	11.564.398	10.008.425
Tài sản gán nợ đang chờ xử lý	830.243	830.243
Góp vốn dài hạn tại PVC Đông Đô	182.951	239.951
Khác	91.454	-
	12.669.046	11.078.619

19. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	<u>Số cuối năm</u> Triệu VND	<u>Số đầu năm</u> Triệu VND
Dịch vụ xây lắp, cơ khí	5.729.674	5.869.064
Sản xuất điện	3.117.535	3.799.846
Thu gom, chế biến khí	3.081.908	1.970.480
Dịch vụ tàu cảng	1.863.088	2.000.435
Dịch vụ tài chính	1.761.061	1.443.224
Sản phẩm chế biến xăng, dầu	1.514.231	1.291.528
Thương mại và phân phối	898.420	2.348.741
Dịch vụ khoan	708.694	1.382.634
Đóng tàu	416.036	443.064
Sản xuất phân đạm	269.888	257.366
Hóa dầu, sơ xối	334.942	214.473
Khác	1.164.182	1.870.807
	20.859.659	22.891.662
Trong đó:		
- Phải trả người bán ngắn hạn	20.858.708	22.890.355
- Phải trả người bán dài hạn	951	1.307

00 / T / HỮU / TT / A / TP.

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Chi tiết tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước theo từng loại thuế như sau:

	Số đầu năm	Số phải nộp	Số đã nộp	Số cuối năm
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
I. Thuế	4.376.180	45.606.737	45.462.320	4.500.597
Thuế GTGT hàng bán nội địa	991.116	11.297.683	11.040.723	1.248.076
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	1.663	2.151.958	2.154.176	(555)
Thuế tiêu thụ đặc biệt	372.927	3.564.536	3.529.590	407.873
Thuế xuất, nhập khẩu	(195.351)	2.217.778	2.141.808	(119.381)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.559.894	13.778.257	13.611.590	1.726.561
Thuế thu nhập cá nhân	111.292	817.027	844.299	84.020
Thuế tài nguyên	684.279	4.683.133	4.774.030	593.382
Thuế nhà đất	6.261	111.341	118.104	(502)
Thuế môn bài	114	899	901	112
Các loại thuế khác	843.985	6.984.125	7.267.099	561.011
II. Các khoản phải nộp khác	4.494.521	28.941.800	27.364.493	6.071.828
Lãi nước chủ nhà từ VSP và các PSC (i)	1.049.939	7.516.829	6.975.796	1.590.972
Tiền đọc và sử dụng tài liệu dầu, khí (ii)	-	2.343	2.343	-
Các khoản phí, lệ phí	444	58	16	486
Hoa hồng dầu khí	-	123.603	123.603	-
Tiền khí ẩm	24.620	292.267	361.276	(14.309)
Phí môi trường	5.472	28.002	27.912	5.562
Các khoản thu điều tiết	772.165	3.526.753	4.149.432	149.486
Lợi nhuận phải nộp Ngân sách Nhà nước (iii)	2.639.678	17.418.047	15.688.644	4.359.081
Các khoản khác	2.203	33.898	35.471	630
Tổng cộng	8.870.701	74.548.537	72.846.813	10.572.425
<i>Trong đó:</i>				
<i>Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước</i>	<i>625.902</i>			<i>595.464</i>
<i>Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</i>	<i>9.496.603</i>			<i>11.167.889</i>

(i) Lãi dầu, khí nước chủ nhà Việt Nam được chia từ các PSC tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 bao gồm:

- 75% lãi dầu, khí nước chủ nhà của Lô 06.1 sau khi trừ 1,5% để lại cho Tập đoàn bù đắp các chi phí quản lý, giám sát các hợp đồng dầu khí, Tập đoàn sẽ thực hiện kê khai và nộp trực tiếp vào Ngân sách Nhà nước.
- 25% lãi dầu, khí nước chủ nhà được chia từ Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro và 25% lãi dầu, khí được chia từ các hợp đồng dầu khí khác sau khi trừ 1,5% để lại cho Tập đoàn bù đắp các chi phí quản lý, giám sát các hợp đồng dầu khí tính đến hết thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, đang chờ quyết toán để ghi tăng Quỹ tìm kiếm, thăm dò dầu khí và Quỹ đầu tư, phát triển theo hướng dẫn tại Nghị định số 06/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ về việc Ban hành quy chế quản lý tài chính của Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

- (ii) Tiền đọc và sử dụng tài liệu dầu, khí là khoản tiền nhà thầu phải trả cho Tập đoàn để được đọc và sử dụng các tài liệu dầu, khí có sẵn. Tập đoàn được ủy quyền thực hiện kê khai, nộp trực tiếp vào Ngân sách Nhà nước 75% tiền thu về đọc và sử dụng tài liệu dầu, khí. Số 25% còn lại của tiền thu về đọc và sử dụng tài liệu dầu, khí được để lại cho Tập đoàn để bổ sung vào Quỹ đầu tư, phát triển và Quỹ tìm kiếm, thăm dò dầu khí.
- (iii) Lợi nhuận phải nộp vào Ngân sách Nhà nước theo quy định áp dụng đối với Tập đoàn. Trong năm, Tập đoàn đã nộp lợi nhuận sau thuế năm 2015 và tạm nộp lợi nhuận sau thuế năm 2016 vào Ngân sách Nhà nước. Số nộp chính thức sẽ được phê duyệt khi có văn bản phê duyệt phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2016 của chủ sở hữu.

Trong năm 2016, thực hiện theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước, Tập đoàn đã tạm ghi nhận khoản lợi nhuận thu về từ PVEP tương ứng với phần chi phí dự án dầu khí không hiệu quả và thực hiện phân phối phần lợi nhuận này vào Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ tìm kiếm, thăm dò dầu khí và nộp Ngân sách Nhà nước với số tiền lần lượt là 1.257.123 triệu VND, 419.041 triệu VND và 2.514.246 triệu VND. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tập đoàn vẫn đang tiếp tục báo cáo các cơ quan có thẩm quyền xin phê duyệt chi phí dự án dầu khí không hiệu quả của PVEP nói trên.

Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Triệu VND	Triệu VND
Lợi nhuận phải nộp Ngân sách Nhà nước	4.369.081	2.639.678
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.164.611	1.750.982
Lãi nước chủ nhà từ VSP và các PSC (i)	1.590.972	1.264.005
Các khoản thu điều tiết (iv)	149.486	772.164
Thuế tài nguyên	593.382	684.295
Thuế khác	2.300.357	2.385.479
	11.167.889	9.496.603

Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Triệu VND	Triệu VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	438.050	191.458
Lãi nước chủ nhà từ VSP và các PSC (i)	-	214.066
Thuế tài nguyên	-	16
Thuế khác	157.414	220.362
	595.464	625.902

- (iv) Các khoản thu điều tiết nộp Ngân sách Nhà nước được xác định theo Thông tư số 24/2013/TT-BTC ngày 01 tháng 3 năm 2013, áp dụng cho toàn bộ sản phẩm lọc dầu (xăng, dầu, LPG) và sản phẩm hóa dầu do Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn (Công ty con) sản xuất, chế biến và tiêu thụ trong nước.

21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>Số cuối năm</u> Triệu VND	<u>Số đầu năm</u> Triệu VND
a) Chi phí phải trả ngắn hạn		
Chi phí phải trả các hợp đồng dầu khí (i)	7.691.290	7.512.170
Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và xây lắp	3.127.810	3.129.867
Chi phí lãi vay	1.401.553	1.470.495
Chi phí lãi huy động tín dụng	1.303.687	746.331
Trích trước chi phí kết thúc dự án Lô SK 305 (ii)	936.491	1.104.018
Trích trước chi phí mua và xử lý khí	824.079	1.369.798
Chi phí trích trước liên quan đến hoạt động các giàn khoan	143.737	129.896
Chi phí dịch vụ khảo sát địa chấn	95.871	125.234
Chi phí an sinh xã hội, phí bảo hiểm	48.528	60.214
Chi phí phải trả khác	691.651	574.524
	16.264.697	16.222.547
b) Chi phí phải trả dài hạn		
Chi phí lãi vay	386.114	342.333
Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng, xây lắp	83.515	74.032
Chi phí lãi huy động tín dụng	12.045	85.620
Trích trước chi phí kết thúc dự án Lô SK 305	-	652.105
Chi phí phải trả khác	6.792	4.658
	488.466	1.158.758

- (i) Phản ánh các khoản chi phí phải trả liên quan đến hoạt động thăm dò, phát triển và khai thác dầu khí của nhà điều hành của các lô dầu khí mà Tập đoàn tham gia góp vốn thực hiện.
- (ii) Phản ánh số tiền trích trước liên quan đến việc thực hiện các nghĩa vụ/trách nhiệm còn tồn đọng khi dừng tham gia Hợp đồng thăm dò khai thác dầu khí Lô SK 305 - Malaysia ("Hợp đồng dầu khí") căn cứ vào Báo cáo kết thúc dự án thăm dò khai thác dầu khí Lô SK 305 - Malaysia đang trình Hội đồng Thành viên PVN phê duyệt. Tổng chi phí dự kiến để hoàn thành các nghĩa vụ còn tồn tại của PVEP theo Hợp đồng dầu khí trong giai đoạn từ năm 2015 đến năm 2017 là 1.981.886 triệu VND (tương đương với 88,28 triệu USD), trong đó, chi phí thực tế đã phát sinh đến ngày kết thúc năm tài chính này là 1.045.395 triệu VND (tương đương với 47,06 triệu USD) và số dư chi phí trích trước tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 936.491 triệu VND (tương đương với 41,22 triệu USD). Chi phí thực hiện nghĩa vụ/trách nhiệm còn tồn đọng này sẽ được xác định chính thức khi có quyết định của Hội đồng Thành viên PVN và các cấp có thẩm quyền.

22. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Triệu VND	Triệu VND
a) Ngắn hạn		
Thu hộ, trả hộ tiền đầu thô xuất khẩu ùy thác	3.788.792	3.431.745
Phải trả về các công trình xây dựng cơ bản	1.732.194	359.041
Vốn phải ứng trong các hợp đồng đầu khí	1.547.428	1.679.613
Phải trả từ mua bán chứng khoán ngắn hạn	704.876	-
Nhận bàn giao từ SBIC (<i>Xem Thuyết minh số 14</i>)	695.348	695.348
Phải trả về ứng vốn trong các hợp đồng đầu khí	482.654	-
Phải trả cổ tức, lãi liên doanh	437.204	546.136
Phải trả tiền rút bảo lãnh thực hiện hợp đồng (i)	435.922	529.555
Phải trả về đóng mới công trình kho nổi chứa dầu FSO5	411.829	402.177
Lãi nước chủ nhà	401.106	336.092
Phải trả về công trình Dragon	281.218	93.001
Chênh lệch giữa thu - chi các hợp đồng dịch vụ ký với Liên doanh Lọc hóa dầu Nghi Sơn	261.930	271.673
Phải trả về thuế, phí, lệ phí, các khoản bồi thường, phạt	260.538	186.087
Giữ lại tiền thanh toán YMC-Transtech về khoản thuế nhà thầu đã nộp	129.482	127.943
Phải trả các ngân hàng lãi vay	104.248	96.931
Phải trả tiền đặt cọc, ký quỹ, ký cược	101.194	91.882
Phải trả tiền lương, thưởng	53.299	49.789
Phải trả thanh toán giao dịch chứng khoán với nhà đầu tư	32.276	136.644
Thuế xuất khẩu dầu thô thu hộ, trả hộ	8.886	57.846
Phải trả Công ty TNHH Murphy Ceu Long Bac Oil	-	169.498
Phải trả cho dự án Costa Nha Trang	-	113.736
Vốn góp được hoàn trả	-	108.394
Phải trả về chuyển quyền sử dụng đất, tài sản	-	46.005
Phải trả ngắn hạn khác	2.121.448	2.465.712
	13.991.872	11.994.848
b) Dài hạn		
Phải trả về quỹ thu dọn mỏ (ii)	41.219.403	33.020.105
Phải trả NSNN chi phí quá khứ Lô 04.3 (iii)	2.113.193	-
Phải trả dài hạn khác	515.422	672.327
	43.848.018	33.692.432

(i) Bao gồm khoản bảo lãnh thực hiện hợp đồng EPC của Công ty TNHH Hyundai Engineering ("HEC") theo Thư bảo lãnh phát hành ngày 19 tháng 5 năm 2014 với số tiền là 218.881 triệu VND (tương đương 9.695.749 USD). Ngày 11 tháng 11 năm 2015, PVTex đã thực hiện rút số tiền nói trên và ghi nhận phải trả ngắn hạn khác do Nhà thầu HEC đề nghị mở bảo lãnh thực hiện hợp đồng mới để thay thế Thư bảo lãnh đã hết hạn vào ngày 20 tháng 11 năm 2015. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, PVTex đang thực hiện các thủ tục pháp lý để giải quyết tranh chấp với nhà thầu HEC về khoản tiền bảo lãnh thực hiện hợp đồng nói trên.

- (ii) Phản ánh số dư tiền đóng góp vào Quỹ thu dọn mỏ của các nhà thầu dầu khí tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 theo quy định tại Quyết định số 40/2007/QĐ-TTg ngày 21 tháng 3 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ nhằm bảo đảm nghĩa vụ tài chính cho việc thu dọn công trình cố định, thiết bị và phương tiện.
- (iii) Tập đoàn đã ghi nhận phần chi phí quá khứ phát sinh trước khi ký Hợp đồng dầu khí Lô 04-3 năm 2009 tương ứng với tỷ lệ lợi ích của Tập đoàn trong Hợp đồng dầu khí Lô 04-3 vào chi phí trả trước dài hạn với số tiền là 2.118.137 triệu VND (tương đương 93.227.880 USD), đồng thời ghi tăng khoản phải trả dài hạn khác với Ngân sách Nhà nước.

23. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	Triệu VND	Triệu VND
Vay ngắn hạn	45.112.216	37.473.462
Vay dài hạn đến hạn trả	50.066.385	43.552.208
	95.178.601	81.025.670

Vay ngắn hạn bao gồm các khoản vay theo hạn mức và hợp đồng tín dụng bằng EUR, USD và VND từ các ngân hàng thương mại và các tổ chức tín dụng.

b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

Vay và nợ thuê tài chính dài hạn bao gồm các khoản vay và nợ thuê tài chính bằng USD, VND và EUR từ các ngân hàng và các tổ chức tín dụng. Các khoản vay và nợ thuê tài chính này được Tập đoàn vay dưới hình thức tín chấp, hoặc được Bộ Tài chính nước Cộng hòa XHCN Việt Nam bảo lãnh, hoặc được bảo đảm bằng tài sản của Tập đoàn.

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	Triệu VND	Triệu VND
Đô la Mỹ	99.861.696	117.009.998
Đồng Việt Nam	42.724.319	26.495.782
Euro	2.169.174	2.762.289
	144.755.189	146.268.069

Tỷ lệ lãi suất hàng năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Đô la Mỹ	0,75% - 9,5%	0,75% - 9,5%
Đồng Việt Nam	3,0% - 15,0%	1,0% - 11,5%
Euro	1,15% - 4,15%	1,47% - 4,15%

Các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	Triệu VND	Triệu VND
Trong vòng một năm	50.066.385	43.552.208
Trong năm thứ hai	15.657.949	23.603.403
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	61.688.569	52.375.809
Sau năm năm	17.342.286	26.736.649
	144.755.189	146.268.069
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay và nợ ngắn hạn)	(50.066.385)	(43.552.208)
Số phải trả sau 12 tháng	94.688.804	102.715.861

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tập đoàn có một số hợp đồng vay nhưng chưa thực hiện giải ngân như sau:

- Hợp đồng vay ngày 09 tháng 12 năm 2013, vay tổ hợp ngân hàng do Ngân hàng HSBC làm đầu mối chưa giải ngân. Hạn mức hợp đồng là 195.250.000 USD để phục vụ cho việc xây dựng Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2. Lãi suất trong hạn USD được tính bằng lãi suất LIBOR cộng với lãi suất biên hàng năm là 4,7%/năm. Khoản vay có kỳ hạn 10 năm, trả gốc trong 7 năm, kỳ hạn trả gốc đầu tiên dự kiến vào tháng 6 năm 2017.
 - Các hợp đồng vay vốn ECA Hàn Quốc do Ngân hàng Citibank Singapore làm đầu mối để thanh toán các chi phí của Dự án xây dựng Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1 với tổng hạn mức là 987.000.000 USD. Cụ thể:
 - (i) Khoản vay do Ngân hàng Xuất nhập khẩu Hàn Quốc ("KEXIM") trực tiếp cho vay với hạn mức 252.000.000 USD, lãi suất trong hạn USD được tính bằng lãi suất LIBOR 6 tháng cộng với lãi suất biên là 3,32%/năm;
 - (ii) Hợp đồng vay do KEXIM bảo hiểm với hạn mức 228.000.000 USD, lãi suất trong hạn USD được tính bằng lãi suất LIBOR 6 tháng cộng với lãi suất biên là 1,28%/năm;
 - (iii) Hợp đồng vay do Công ty Bảo hiểm Xuất khẩu Hàn Quốc (KSURE) bảo hiểm với hạn mức 507.000.000 USD, lãi suất trong hạn USD được tính bằng lãi suất LIBOR 6 tháng cộng với lãi suất biên là 1,28%/năm.
- Các khoản vay có kỳ hạn tối đa 17 năm, trả gốc trong 12 năm, kỳ hạn trả gốc đầu tiên dự kiến vào tháng 3 năm 2017.
- Hợp đồng vay thương mại nước ngoài do Ngân hàng Citibank Singapore làm đầu mối. Hạn mức hợp đồng là 213.000.000 USD để thanh toán các chi phí của Dự án xây dựng Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1. Lãi suất trong hạn USD được tính bằng lãi suất LIBOR cộng với lãi suất biên hàng năm là 3,4%/năm. Khoản vay có kỳ hạn tối đa 10 năm, trả gốc trong 5 năm, kỳ hạn trả gốc đầu tiên dự kiến vào tháng 3 năm 2022.

24. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	<u>Số cuối năm</u> <u>Triệu VND</u>	<u>Số đầu năm</u> <u>Triệu VND</u>
Ngắn hạn		
Dự phòng bồi thường bảo hiểm	4.034.632	3.148.479
Dự phòng phí bảo hiểm chưa được hưởng	3.064.526	2.964.155
Dự phòng chi phí sửa chữa, bảo dưỡng	2.052.952	536.401
Dự phòng bảo hành công trình, sản phẩm	156.378	168.391
Khác	330.059	296.179
	9.638.547	7.113.605
Dài hạn		
Dự phòng chi phí sửa chữa, bảo dưỡng	1.627.235	1.788.571
Dự phòng bảo hành công trình, sản phẩm	1.364.680	1.355.810
Dự phòng rủi ro, bồi thường thiệt hại về môi trường	153.579	-
Khác	38.349	2.808
	3.183.843	3.147.189

**TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN/HN

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015:

	Vốn góp của chủ sở hữu		Vốn khác của chủ sở hữu		Chênh lệch đánh giá lại tài sản		Chênh lệch tỷ giá hối đoái		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ hỗ trợ sáp nhập doanh nghiệp		Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu (1)		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Nguồn vốn đầu tư XDCB		Lợi ích cổ đông không kiểm soát		Tổng cộng	
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Số dư đầu năm trước	281.500.000	1.191.301	1.171.115	(3.774.549)	45.328.521	739.710	18.924.702	28.840.595	607.129	36.812.510	422.063.534											
Điều chỉnh theo Kiểm toán Nhà nước (1)	-	-	-	-	189.569	-	95.400	6.091.955	-	78.874	6.457.798											
Điều chỉnh giảm trích quỹ theo các quyết định	-	-	-	-	(1.795.891)	-	-	1.795.891	-	-	-											
Tặng quỹ từ lãi nước chủ nhà, tiền độc tài liệu để lại	-	-	-	-	3.483.991	-	387.110	-	-	-	3.871.101											
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	-	-	26.564.772	-	-	4.130.292											
Tặng vốn tại các công ty con	-	187.453	-	-	(187.453)	-	-	-	-	394.100	394.100											
Phân phối các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	7.364	-	-	11.431.433	-	3.037.414	(14.476.211)	-	-	(1.608.795)											
Trích các quỹ không thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	-	-	-	(1.120.533)	-	-	(488.262)											
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	88.538	-	-	-	-	-	-	278.237											
Lợi nhuận nộp về Ngân sách Nhà nước	-	-	-	-	-	-	-	(10.103.494)	-	-	(10.103.494)											
Nộp chênh lệch giá khí năm 2012	-	-	-	-	-	-	-	(866.749)	-	-	(866.749)											
Chi tiêu theo quy định	-	-	-	-	(14.882)	(13.204)	(585.687)	-	-	-	(617.773)											
Lãi tiền đầu Vietsov phải nộp Ngân sách Nhà nước	-	-	-	-	-	-	-	(3.417.986)	-	-	(3.417.986)											
Tặng quỹ từ lãi tiền đầu Vietsov	-	-	-	-	-	-	-	(1.070.090)	-	-	(1.070.090)											
Phân phối lợi nhuận cho cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(2.352.022)	(2.352.022)											
Thuế hoàn lại phải trả liên quan đến dự phòng đầu tư tài chính phát sinh trước 01/01/2015	-	-	-	-	-	-	-	(1.771.597)	-	-	(1.771.597)											
Điều chỉnh do thay đổi tỷ lệ sở hữu tại công ty con	-	(354.859)	-	-	15.883	-	(1.952)	(592.559)	-	-	199.755											
Điều chỉnh do có phần mua PVCC	-	(119.803)	(1.174.571)	-	-	1.581.684	-	-	-	-	1.293.769											
Xử lý nguồn kinh phí cấp cho các dự án của Bộ Quốc phòng trước năm 2014	-	-	-	-	(2.952.260)	-	(328.029)	-	-	-	-											
Thanh toán khoản vay của PVPower RE khác	-	154.561	3.569	-	(73.089)	(31.505)	151.369	(333.682)	(12)	(31.578)	(190.376)											
Số dư cuối năm trước	281.500.000	1.178.807	113	(3.636.011)	55.934.191	2.276.685	21.676.318	29.752.352	607.117	40.315.675	439.424.947											

**TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016:

	Vốn góp của chủ sở hữu		Vốn khác của chủ sở hữu		Chênh lệch đánh giá lại tài sản		Chênh lệch tỷ giá hối đoái		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu (i)		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Nguồn vốn đầu tư XDCCS		Lợi ích cổ đông không kiểm soát		Tổng cộng		
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Số dư đầu năm nay	281.500.000	11.788.507	113	(3.686.011)	55.194.191	2.276.685	21.676.318	29.752.352	607.117	40.315.675	439.424.947	8.226											
Nguồn: Nhà nước cấp vốn	-	-	-	-	8.226	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	8.226
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	-	-	14.022.838	-	-	-	-	-	2.603.453	-	-	-	-	-	-	-	-	16.626.291
Tăng vốn tại các công ty con	-	371.847	-	-	-	-	-	(371.847)	-	-	-	-	-	543.784	-	-	-	-	-	-	-	-	543.784
Phân phối các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	9.035.227	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Trích các quỹ không thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	-	-	-	1.660.876	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	(1.119.941)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(338.016)	-	-	-	-	-	-	-	-	(1.241.439)
Lợi nhuận nộp về Ngân sách Nhà nước	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	58.883	-	-	-	-	-	-	-	-	(1.062.693)
Tăng quỹ từ lãi nước chủ nhà, tiền độc tài liệu để lại	-	-	-	-	2.207.765	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(17.418.047)
Chi tiêu theo quy định	-	-	-	-	(38.611)	-	-	-	-	-	-	-	-	(28.601)	-	-	-	-	-	-	-	-	2.453.072
Lãi tiền đầu Vietsov phải nộp Ngân sách Nhà nước	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(267.212)
Tăng quỹ từ lãi tiền đầu Vietsov	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(2.108.431)
Phân phối lợi nhuận cho cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(702.475)
Thuế hoãn lại phải trả liên quan đến dự phòng phải thu khó đòi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(252.321)
Điều chỉnh do thay đổi tỷ lệ sở hữu tại công ty con	-	(102.012)	-	-	31.945	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(252.321)
Điều chỉnh ảnh hưởng theo Biên bản của Kiểm toán Nhà nước, Thanh tra Bộ Tài chính	-	-	-	-	1.575.064	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	34.984
Phân loại lại các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	(163.370)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(1.994.105)
Điều chỉnh do phân loại lại khoản đầu tư tại Petrosetco, PAP, PVE (i)	-	(48.343)	-	-	(49.812)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	98.155
Khác	-	4.867	-	-	(118.797)	3	171.731	(194.673)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(127.821)
Số dư cuối năm nay	281.500.000	12.014.866	113	(4.805.932)	67.681.828	2.584.069	23.800.447	9.265.269	807.117	38.370.706	431.018.463												

WZANZHN

- (i) Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu bao gồm Quỹ tìm kiếm, thăm dò dầu khí với số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 23.460.231 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 21.148.560 triệu VND). Trong thời gian chờ Chính phủ ban hành văn bản thay thế Nghị định số 06/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 01 năm 2015 về quy chế quản lý tài chính của Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, PVN vẫn tiếp tục trích Quỹ tìm kiếm, thăm dò dầu khí từ nguồn lãi dầu, khí nước chủ nhà được để lại tái đầu tư tại PVN và từ nguồn lợi nhuận sau thuế theo các quyết định phân phối lợi nhuận hàng năm được phê duyệt bởi Hội đồng Thành viên của Tập đoàn sau khi có sự chấp thuận của Bộ Công Thương. Lợi nhuận phân phối hàng năm được xác định theo báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ - Tập đoàn dầu khí Việt Nam. Đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, PVN đang tạm chưa phân phối phần lợi nhuận trong năm 2016 để chờ quyết định chính thức từ các cơ quan có thẩm quyền.
- (ii) Xem tại Thuyết minh số 1.

26. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

	<u>Đơn vị</u>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
1. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	Triệu VND	15.091	1.004.425
2. Nợ khó đòi đã xử lý	Triệu VND	832.986	433.567
3. Ngoại tệ các loại			
Đô la Mỹ	USD	197.586.047	495.239.370
Dinar Algeria	DZD	41.546.994	27.853.768
Euro	EUR	3.869.327	1.356.586
Đồng Bolívar Venezuela	VEF	3.285.209	172.521
Yên Nhật	JPY	2.298.151	1.321.260
Đô la Singapore	SGD	395.620	37.124
Bảng Anh	GBP	254.162	325.801
Đồng Peso Cuba	CUP	-	849
Đồng Tenge Kazakhstan	KZT	233	175.676
Đồng Kíp Lào	LAK	40.579.870.308	22.484.310.875
Đồng Kyat Myanmar	MMK	1.342.675	-

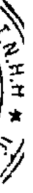
TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

27. BÁO CÁO BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH

Năm nay	Tìm kiếm, thăm dò và khai thác dầu khí		Lọc - hóa dầu		Công nghiệp khí		Công nghiệp điện		Dịch vụ đầu khí		Dịch vụ thương mại và phân phối		Dịch vụ tài chính		Khác		Tổng cộng		Loại trừ nội bộ		Sau loại trừ nội bộ			
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	
Tổng doanh thu	30.242.948	85.886.675	71.744.612	27.210.550	17.056.263	47.802.743	13.837.650	23.205.472	316.986.913	(82.205.948)	234.780.965													
Giảm trừ doanh thu (i)	-	149.837	250.187	-	-	36.481	3.288.007	58.850	3.783.362	-	3.783.362													
Doanh thu thuần	30.242.948	85.736.838	71.494.425	27.210.550	17.056.263	47.766.262	10.549.643	23.146.622	313.203.551	(82.205.948)	230.997.603													
Giá vốn hàng bán	33.990.528	75.569.976	57.194.130	23.586.524	16.369.924	44.602.855	9.094.840	20.202.553	280.551.330	(82.789.849)	197.761.481													
Lợi nhuận gộp	(3.747.580)	10.226.862	14.300.295	3.624.026	686.339	3.163.407	1.454.803	2.944.069	32.652.221	583.901	33.236.122													
Năm trước																								
Tổng doanh thu	37.480.847	110.167.210	71.014.766	25.689.811	27.707.235	70.710.106	13.420.918	32.539.904	388.730.797	(95.290.957)	293.439.840													
Giảm trừ doanh thu (i)	-	180.833	208.910	-	-	335.182	4.192.445	14.434	4.931.804	-	4.931.804													
Doanh thu thuần	37.480.847	109.986.377	70.805.856	25.689.811	27.707.235	70.374.924	9.228.473	32.525.470	383.798.993	(95.290.957)	288.508.036													
Giá vốn hàng bán	29.450.153	95.163.818	54.963.974	21.762.436	21.268.716	65.785.099	8.231.983	31.232.762	327.858.941	(96.144.948)	231.713.993													
Lợi nhuận gộp	8.030.694	14.822.559	15.841.882	3.927.375	6.438.519	4.589.825	996.490	1.292.708	55.940.052	853.991	56.794.043													

(i) Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm: Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại tương ứng với số doanh thu được xác định trong năm tài chính.



28. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	Triệu VND	Triệu VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	7.372.082	6.962.976
Doanh thu khí, condensate từ lô 05.2, 05.3 và 06.1 (i)	4.862.089	4.447.562
Lãi tiền dầu từ Vietsovpetro	2.813.092	4.558.337
Lãi chênh lệch tỷ giá	990.596	1.251.332
Lãi từ đầu tư cổ phiếu, trái phiếu, tín phiếu	748.985	635.985
Cổ tức và lợi nhuận được chia	194.789	114.650
Thanh lý khoản đầu tư, mất quyền kiểm soát tại công ty con	-	266.644
Doanh thu hoạt động tài chính khác	316.674	492.201
	17.298.307	18.729.687

(i) Theo Quy chế quản lý tài chính của Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam được phê duyệt bởi Chính phủ tại Nghị định số 06/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 01 năm 2015, doanh thu hoạt động tài chính của Tập đoàn gồm cả tiền lãi dầu, khí sau thuế được chia với tư cách nhà thầu và tiền dầu thu hồi chi phí thu được từ các hợp đồng đầu khí kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015. Theo đó, chi phí liên quan của các hợp đồng này được phản ánh tương ứng trên khoản mục chi phí tài chính.

29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	Triệu VND	Triệu VND
Chi phí lãi vay	5.156.249	4.916.034
Chi phí lô 05.2, 05.3 và 06.1	3.793.403	3.757.145
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.640.861	7.036.523
Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính	273.962	379.925
Lỗ thanh lý các khoản đầu tư tài chính	39.236	272.306
Lỗ từ hoạt động kinh doanh chứng khoán	5.406	190.108
Hoàn nhập dự phòng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh	(99.912)	(175.100)
Chi phí tài chính khác	270.251	513.916
	11.079.456	16.890.907

30. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	Triệu VND	Triệu VND
Chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí vận chuyển	1.389.326	1.390.706
Chi phí nhân viên bán hàng	943.068	1.083.033
Chi phí khấu hao	722.029	777.423
Chi phí quảng cáo	431.042	288.124
Các khoản chi phí bán hàng khác	2.020.968	2.048.868
	5.506.433	5.588.154

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>
Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên quản lý	3.433.541	3.778.969
Trích quỹ phát triển khoa học và công nghệ	960.795	815.209
Chi phí khấu hao tài sản cố định	860.082	861.599
Phân bổ lợi thế kinh doanh	197.812	197.749
Chi phí dụng cụ, đồ dùng và vật liệu văn phòng	103.883	171.448
Chi phí an sinh xã hội	73.172	102.195
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng phải thu khó đòi	(126.240)	1.332.730
Chi phí hoạt động quản lý công vụ	466.199	609.139
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	3.769.710	4.977.824
	9.738.954	12.846.862

31. THU NHẬP KHÁC

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>
Hoàn nhập các khoản dự phòng bảo hành công trình, sự cố	405.329	43.392
Chuyển nhượng Khu nhà ở và dịch vụ phục vụ Liên hợp Lọc hóa dầu Nghi Sơn	254.545	-
Tiền được bồi thường	69.891	147.548
Thanh lý, nhượng bán tài sản	46.508	71.570
Các khoản nợ đã xử lý thu hồi được	-	177.970
Thu nhập khác	330.562	833.999
	1.106.835	1.274.479

32. CHI PHÍ KHÁC

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>
Chi phí trong giai đoạn Nhà máy sản xuất xơ sợi polyester Đình Vũ tạm dừng hoạt động	446.445	302.750
Chuyển nhượng Khu nhà ở và dịch vụ phục vụ Liên hợp Lọc hóa dầu Nghi Sơn	251.572	-
Các khoản tiền phạt	81.569	96.715
Chi phí khác	284.155	605.340
	1.063.741	1.004.805

33. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
	Triệu VND	Triệu VND
Thuế từ hoạt động thăm dò và khai thác dầu khí	5.284.154	8.330.908
Thuế từ hoạt động kinh doanh khác	5.029.972	5.607.134
	10.314.126	13.938.042

Thuế thu nhập doanh nghiệp liên quan đến hoạt động khai thác dầu thô và khí của các hợp đồng phân chia sản phẩm được xác định theo điều khoản quy định trong hợp đồng và tỷ lệ thuế suất ấn định trên từng lô dầu, khí theo quy định của Bộ Tài chính.

34. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:

	Thăm dò và khai thác dầu khí	Hoạt động khác	Tổng cộng
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Số dư đầu năm trước	15.227.500	478.434	15.705.934
Phát sinh trong năm	(1.664.315)	1.756.540	92.225
Số dư đầu năm nay	13.563.185	2.234.974	15.798.159
Phát sinh trong năm	(292.129)	175.649	(116.480)
Số dư cuối năm nay	13.271.056	2.410.623	15.681.679

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:

	Hoạt động khác	Tổng cộng
	Triệu VND	Triệu VND
Số dư đầu năm trước	223.318	223.318
Phát sinh trong năm	1.833.125	1.833.125
Khác	(1.821.584)	(1.821.584)
Số dư đầu năm nay	234.859	234.859
Phát sinh trong năm	(539.631)	(539.631)
Khác	581.057	581.057
Số dư cuối năm nay	276.285	276.285

Tổng thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại tính vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm:

	Năm nay	Năm trước
	Triệu VND	Triệu VND
Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại	(539.631)	(1.833.125)
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	116.480	92.225
	(423.151)	(1.740.900)

35. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tập đoàn có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u> <u>Triệu VND</u>	<u>Số đầu năm</u> <u>Triệu VND</u>
Trong vòng 1 năm	657.405	727.927
Từ 2 năm đến 5 năm	1.005.390	928.678
Sau 5 năm	1.286.532	1.095.006
	<u>2.949.327</u>	<u>2.751.611</u>

Cam kết mua hàng

Tập đoàn cam kết mua khí từ các chủ lô 06.1 và 11.2 cho đến hết giai đoạn bình ổn của các lô này với mức bao tiêu và thanh toán cho các chủ khí một lượng khí tối thiểu (đã xác định trong hợp đồng mua bán khí - GSPA) hàng năm là khoảng 3,916 tỷ m³ khí.

Tập đoàn cam kết mua khí từ các chủ lô 05.2 và 05.3 đến hết giai đoạn bình ổn của các lô này với mức bao tiêu và thanh toán cho các chủ khí một lượng khí tối thiểu (đã xác định trong hợp đồng mua bán khí - GSPA) hàng năm là khoảng 1,368 tỷ m³ khí.

Tập đoàn cam kết mua khí từ các chủ lô 102 và 106 đến hết giai đoạn bình ổn của các lô này với mức bao tiêu và thanh toán cho các chủ khí một lượng khí tối thiểu (đã xác định trong hợp đồng mua bán khí - GSPA) hàng năm là khoảng 204 triệu m³ khí.

Tập đoàn cam kết mua khí từ các chủ lô PM3 CAA và 46 Cái Nước đến hết năm 2018 với mức bao tiêu và thanh toán cho các chủ khí một lượng khí tối thiểu (đã xác định trong hợp đồng mua bán khí - GSPA) hàng năm là khoảng 1,98 tỷ m³ khí.

Cam kết bán hàng

Tập đoàn cam kết bán một lượng cố định hàng năm 1,85 tỷ m³ khí Nam Côn Sơn cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam cho đến hết giai đoạn bình ổn theo hợp đồng GSA.

Tập đoàn cam kết bán khí Nam Côn Sơn cho Nhà máy điện Phú Mỹ 3 BOT (PM3) và Công ty Mekong Energy (PM 2.2) với mức bao tiêu khí cố định hàng năm cho mỗi công ty là 0,85 tỷ m³ khí lần lượt cho đến năm 2023 và 2024.

Cam kết vốn

Tập đoàn có các khoản cam kết đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm thiết bị trong năm 2017 với số tiền khoảng 79.254 tỷ VND, trong đó vốn của Tập đoàn là 61.688 tỷ VND và vốn vay là 17.566 tỷ VND.

Tập đoàn có một số khoản cam kết góp vốn vào các dự án tìm kiếm, thăm dò dầu khí tại Việt Nam và nước ngoài trong năm 2016 với tổng giá trị khoảng 12.903 tỷ VND.

36. TÀI SẢN VÀ CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tập đoàn có các khoản công nợ tiềm tàng và nghĩa vụ cam kết với ngân hàng và các bên được bảo lãnh khác phát sinh trong quá trình kinh doanh thông thường. Các khoản công nợ tiềm tàng trên không được đánh giá là trọng yếu. PVN cũng đã thực hiện nghiệp vụ bảo lãnh cho một số khoản vay dài hạn của các đơn vị thành viên với số dư gốc vay phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 7.546.650 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 7.406.927 triệu VND), trong đó bao gồm khoản vay dài hạn của PVTex tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam với số dư gốc vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 5.028.441 triệu VND.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC - Công ty con) có các khoản bảo lãnh cho một số khoản vay đã quá hạn của các công ty con và công ty liên kết của PVC với số tiền là 237.855 triệu VND. PVC đã trích lập dự phòng toàn bộ nghĩa vụ nợ phải trả liên quan đến các khoản bảo lãnh này trên báo cáo tài chính hợp nhất cho các năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 và 2015. Trong năm 2016, PVC đã đánh giá phương án trả nợ và tài sản thế chấp để bảo đảm cho khoản vay và các thỏa thuận với bên cho vay của Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Sài Gòn và quyết định hoàn nhập dự phòng nghĩa vụ nợ phải trả liên quan đến nghĩa vụ bảo lãnh nêu trên với số tiền khoảng 99.912 triệu VND.

Ngày 21 tháng 3 năm 2007, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 40/2007/QĐ-TTg quy định về việc thu dọn các công trình cố định, thiết bị và phương tiện phục vụ hoạt động dầu khí. Theo đó, trong thời hạn 01 năm kể từ thời điểm khai thác đồng dầu, khí đầu tiên, tổ chức, cá nhân phải lập quỹ bảo đảm nghĩa vụ tài chính cho việc thu dọn công trình cố định, thiết bị và phương tiện. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tập đoàn đã lập dự phòng chi phí thu dọn mỏ một số lô dầu khí theo các quy định trong hợp đồng đầu khí. Tập đoàn đang nghiên cứu và đánh giá chi phí thu dọn cần thiết cho các công trình cố định, thiết bị và phương tiện phục vụ hoạt động dầu khí của các lô dầu khí còn lại để có cơ sở lập dự phòng chi phí thu dọn mỏ đầy đủ.

Chi phí thăm dò tìm kiếm dầu khí tại dự án 39 Peru lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 khoảng 1.542.672 triệu VND. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, PVEP chưa nhận được phê duyệt chính thức từ các cơ quan chức năng về báo cáo đầu tư điều chỉnh đối với dự án nêu trên. Báo cáo tài chính hợp nhất này chưa bao gồm những điều chỉnh có thể phát sinh liên quan đến các sự kiện không chắc chắn này.

Theo Quyết định số 521/QĐ-TĐKT ngày 26 tháng 5 năm 2017 về việc phê duyệt phân bổ chi phí dự án không thành công, không hiệu quả năm 2016, Hội đồng Thành viên PVEP đã thông qua và phê duyệt việc ghi nhận chi phí các dự án không hiệu quả mà đã có chủ trương kết thúc, dừng, chuyển nhượng vào báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của PVEP. Theo đó, PVEP đã ghi nhận vào giá vốn hoạt động dầu khí trong năm với giá trị khoảng 8.694.961 triệu VND bao gồm giá trị chi phí trả trước dài hạn chưa phân bổ của các dự án 01/97 & 02/97 Lam Sơn và dự án 09.3 VRJ và 90% chi phí thăm dò, chi phí phát triển của các dự án M2 Myanmar, 10&11.1 Côn Sơn và Marine XI Congo. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, PVEP đang tiếp tục làm việc với các nhà thầu dầu khí, các cơ quan chức năng và các đối tác về giá trị bồi thường hợp đồng, chi phí quyết toán dự án... liên quan tới việc dừng các dự án nêu trên và sẽ thực hiện điều chỉnh khi có số liệu đáng tin cậy, phù hợp.

Theo Hợp đồng thành lập và quản lý Công ty Liên doanh Petromacareo S.A. và Thỏa thuận phí tham gia lần đầu ký ngày 29 tháng 6 năm 2010, khoản phí tham gia phải trả Chính phủ Venezuela lần cuối cùng (lần 3) là 142.000.000 USD. PVEP đã xin gia hạn khoản phải Thanh toán này cho đến khi hoàn thành các hoạt động thăm định và đánh giá đầy đủ trữ lượng của Lô Junin 2.

1125
NG
HIỆN
LỘ
T
ĐA

Ngày 30 tháng 3 năm 2017, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Văn bản số 456/TTg-CN chấp thuận cước phí vận chuyển, thu gom khi đang khai thác tại các mỏ thuộc bể Cửu Long (không bao gồm các mỏ: Bạch Hổ, Rồng - Đồi Mồi) từ miệng giếng đến Giàn trung tâm Bạch Hổ lần lượt là 1,96 - 2,04 - 2 USD/MMBTU cho các giai đoạn tương ứng từ ngày 01 tháng 4 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014, trong năm 2015 và trong năm 2016. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần (PVGas - Công ty con) xác định tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, PVGas có khoản tài sản tiềm tàng (có thể phải thu EVN) về tiền cước phí trả chậm từ ngày 01 tháng 4 năm 2014 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2016 với số tiền khoảng 25 triệu USD.

Ngày 27 tháng 5 năm 2016, Tòa án Nhân dân Quận Hải An, thành phố Hải Phòng gửi Thông báo về việc thụ lý sơ thẩm vụ án kinh doanh thương mại liên quan đến tranh chấp về hợp đồng kinh tế giữa Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Đình Vũ (DVIZ - bên khởi kiện) và PVTex (bên bị kiện). Theo kết quả bản án sơ thẩm số 02/2017/KDTM-ST ngày 24 tháng 4 năm 2017 của Tòa án Nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng PVTex phải thanh toán DVIZ tổng số tiền là 72.906 triệu VND bao gồm nợ gốc, lãi chậm thanh toán và phạt vi phạm hợp đồng liên quan đến các hợp đồng đã ký giữa hai bên về việc cho thuê đất và cung cấp dịch vụ và tiện ích, thu gom và xử lý nước thải..., đồng thời, PVTex phải hoàn trả cho DVIZ mặt bằng xây dựng khu đất thuê để làm nhà tạm với diện tích 4.004 m² đúng với nguyên trạng khi PVTex tiếp nhận. Đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, PVTex đang làm thủ tục mở phúc thẩm đối với bản án sơ thẩm nêu trên. Báo cáo tài chính hợp nhất này chưa bao gồm các điều chỉnh có thể phát sinh từ sự kiện này.

Ngày 05 tháng 7 năm 2016, PVTex đã nhận được thông báo của Trọng tài Quốc tế ICC Singapore (ICC) liên quan đến việc thụ lý đơn kiện của Công ty TNHH Hyundai Engineering (HEC) về việc PVTex vi phạm hợp đồng EPC khi không trả lại khoản tiền bảo lãnh thực hiện hợp đồng mà PVTex đã rút với số tiền 9.695.749 USD. HEC yêu cầu PVTex phải hoàn trả số tiền bảo lãnh thực hiện hợp đồng và trả các chi phí và thiệt hại của HEC liên quan đến vụ kiện và tiền lãi tính trên số tiền bảo lãnh. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, PVTex đang chuẩn bị các thủ tục pháp lý để giải quyết tranh chấp liên quan đến khoản tiền bảo lãnh nêu trên cũng như các nghĩa vụ của nhà thầu trong hợp đồng EPC xây dựng Nhà máy Sản xuất Xơ sợi Polyester Đình Vũ. Báo cáo tài chính hợp nhất này chưa bao gồm các điều chỉnh có thể phát sinh từ sự kiện này.

37. THÔNG TIN KHÁC

Ngày 15 tháng 01 năm 2013, Công ty TNHH Lọc hóa dầu Nghi Sơn ("NSR") đã ký kết Thỏa thuận về Cam kết bảo lãnh của Chính phủ cho Dự án với Chính phủ Việt Nam (Bộ Công thương đại diện) và Hợp đồng bao tiêu sản phẩm nhiên liệu với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Theo đó, Tập đoàn sẽ bao tiêu toàn bộ sản phẩm đầu ra của Nhà máy Lọc hóa dầu Nghi Sơn. NSR được áp dụng mức giá bán buôn tại cổng nhà máy là giá nhập khẩu cộng thuế nhập khẩu 7% đối với các sản phẩm lọc dầu và 3% cho các sản phẩm hóa dầu (ngoại trừ 5% cho LPG). Nếu thuế suất nhập khẩu thấp hơn thì PVN sẽ thanh toán cho Nghi Sơn số chênh lệch giữa thuế suất nhập khẩu thực tế và thuế suất 7% hay 3% nói trên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2017, Bộ Công thương đã ra Quyết định số 1364/QĐ-BCT phê duyệt giá trị doanh nghiệp tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty mẹ - PVPower cho mục đích cổ phần hóa là 60.623.284 triệu VND, với giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp xác định lại là 33.556.543 triệu VND, tăng so với giá trị sổ sách khoảng 11.085.707 triệu VND.

00
TY
HUU
TT
NAM
TP

Ngày 31 tháng 5 năm 2017, Bộ Công thương đã ra Quyết định số 1938/QĐ-BCT phê duyệt giá trị doanh nghiệp tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty mẹ - BSR cho mục đích cổ phần hóa là 72.879.915 triệu VND, với giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp xác định lại là 44.934.562 triệu VND, tăng so với giá trị sổ sách khoảng 13.415.976 triệu VND.

Ngày 27 tháng 5 năm 2015, Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã ban hành Quyết định số 1197/QĐ-DKVN về việc cổ phần hóa Tổng Công ty Dầu - Công ty TNHH MTV (PVOil - Công ty con). Theo đó, thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp của PVOil là ngày 31 tháng 12 năm 2015. Đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, PVOil đang trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt kết quả xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Trong năm, Thanh tra Bộ Tài chính đã tiến hành thanh tra tại Tập đoàn và đã ban hành Kết luận thanh tra số 11855/BTC-TTr ngày 25 tháng 8 năm 2016. Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn quyết định điều chỉnh ảnh hưởng của các kết luận Thanh tra tài chính vào báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Ngày 24 tháng 11 năm 2016, Thanh tra Chính phủ ban hành Thông báo số 3129/TB-TTCTP về kết luận thanh tra việc đầu tư các dự án Nhiên liệu sinh học có vốn góp của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và các đơn vị, và Thông báo số 3130/TB-TTCTP ngày 24 tháng 11 năm 2016 về kết luận thanh tra việc đầu tư xây dựng Dự án Nhà máy Sản xuất Xơ sợi Polyester Đình Vũ. Theo đó, Thanh tra Chính phủ đã kết luận về một số vi phạm trong quá trình đầu tư Nhà máy Nhiên liệu Sinh học Bio-Ethanol Dung Quất do Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung (BSR-BF - Công ty con của Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn - Công ty con) làm chủ đầu tư và Dự án Nhà máy Sản xuất Xơ sợi Polyester Đình Vũ do Công ty Cổ phần Hoá dầu và Xơ sợi Dầu khí (PVTex - Công ty con) làm chủ đầu tư. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Giám đốc BSR-BF và PVTex đang trong quá trình làm việc với các nhà thầu và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để giải quyết các kết luận và kiến nghị của Thanh tra Chính phủ. Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 chưa bao gồm các điều chỉnh có thể phát sinh từ sự kiện này.

38. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch và số dư chủ yếu với các bên liên quan có cùng chủ sở hữu là Nhà nước:

- Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy (SBIC): Tập đoàn có giao dịch chủ yếu với SBIC về nhận bàn giao các dự án/công ty con và cho vay như được trình bày tại các Thuyết minh số 1, 9, 14 và 22.
- Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN): Tập đoàn có giao dịch chủ yếu với EVN về bán điện, bán khí và cho vay.
 - Doanh thu bán điện cho EVN trong năm là 27.051.852 triệu VND (năm 2015: 26.605.683 triệu VND). Số dư phải thu tiền bán điện tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 9.505.594 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 6.393.124 triệu VND).
 - Doanh thu bán khí cho EVN trong năm là 13.160.515 triệu VND (năm 2015: 16.213.644 triệu VND). Số dư phải thu tiền bán khí tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 2.281.375 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 1.862.851 triệu VND).
 - Số dư phải thu về cho vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 868.904 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 543.385 triệu VND).
- Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex): Tập đoàn có giao dịch chủ yếu với Petrolimex về bán buôn xăng, dầu. Doanh thu bán buôn xăng, dầu cho Petrolimex trong năm là 26.867.328 triệu VND (năm 2015: 36.148.403 triệu VND). Số dư phải thu về bán buôn xăng, dầu tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 3.169.613 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 1.981.015 triệu VND).

- Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro: Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu sau với Vietsovpetro:
 - Mua dầu thô để thực hiện lọc hóa dầu trong năm với số tiền 39.947.870 triệu VND (năm 2015: 44.880.874 triệu VND).
 - Cung cấp dịch vụ sửa chữa tàu, xà lan trong năm với số tiền 331.581 triệu VND (năm 2015: 675.283 triệu VND).
 - Cung cấp dịch vụ liên quan hoạt động giàn khoan trong năm với số tiền 125.300 triệu VND (năm 2015: 670.541 triệu VND).
 - Ngoài ra, các công ty con của Tập đoàn còn cung cấp một số dịch vụ như xây lắp, sửa chữa giàn khoan, cung cấp suất ăn... cho Vietsovpetro.
- Công ty Liên doanh Rusvietpetro: Tập đoàn có giao dịch chủ yếu với Rusvietpetro về cho vay như trình bày tại Thuyết minh số 8. Số dư lãi cho vay phải thu tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 401.610 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 127.820 triệu VND).
- Công ty TNHH Lọc hóa dầu Nghi Sơn: Tập đoàn có giao dịch chủ yếu với Nghi Sơn về cho vay như trình bày tại Thuyết minh số 8. Số dư lãi cho vay phải thu tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 249.568 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 20.490 triệu VND).

39. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Tập đoàn đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh số 1577/GCNDKDTDC6 ngày 23 tháng 01 năm 2016 và 2135/GCNDKDTDC4 ngày 23 tháng 01 năm 2017 chứng nhận việc Chevron Vietnam (Block B) Ltd. được đổi tên thành PetroVietnam (Block B) Ltd. và Chevron Vietnam (Block 52) Ltd. được đổi tên thành PetroVietnam (Block 52) Ltd. từ ngày 17 tháng 6 năm 2015 và chứng nhận việc hai công ty này chuyển nhượng toàn bộ quyền lợi tham gia trong Hợp đồng chia sản phẩm Dầu khí Lô B&48/95 và Lô 52/97 cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam theo thỏa thuận giữa Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và tổ hợp các nhà thầu dầu khí.

Ngày 26 tháng 3 năm 2017, Tập đoàn đã ký kết thỏa thuận hợp tác đầu tư dự án mỏ khí Cá Voi Xanh với Tập đoàn Exxon Mobil của Mỹ. Theo kế hoạch, Tập đoàn Exxon Mobil sẽ đầu tư 01 giàn đầu giếng để xử lý tách nước ngoài khơi và 02 cụm khai thác ngầm, mỗi cụm có 04 giếng khai thác và một đường ống dài khoảng 88 km nối vào bờ biển Chu Lai, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam sẽ đầu tư 01 nhà máy xử lý khí, 01 nhà máy điện 02 tổ máy, công suất mỗi tổ máy khoảng 600MW - 700MW. Các nhà máy trên dự kiến vận hành vào năm 2023. Tổng sản lượng khí hàng năm khai thác khoảng 9 - 10 tỷ m³, trong đó dành 1 tỷ m³ để kết nối với Nhà máy Lọc dầu Dung Quất phục vụ chế biến sâu.



Nguyễn Vũ Trường Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 7 năm 2017

Lê Đình Mậu
Kế toán trưởng
Trưởng ban Kế toán và
Kiểm toán

Nguyễn Thế Anh
Người lập biểu